

Yêu s không ngoan, nh là m t ph n c a triết h c. Chính nh triết h c m i m r ng đ ng cho t t ng.

Tholichsu.com xin gi i thi u thêm v JASPERS, ông là triết gia tiêu bi u cho ch nghĩa hi n sinh.

Có th nói, ngoài Soren Kierkegaard, Friedrich, Nietzsche, Heidegger...Jaspers giúp chúng ta có cách th c suy t m i m và hình nh con đ ng nh n th c v vũ tr huy n bí l i m r ng h n ra. (B n đ ch c a GS Lê Tôn Nghiêm).

Triết lý c a Jaspers_ m t trong nh ng khuynh h ng c b n c a triết h c hi n sinh – và riêng b n đ ch này cũng đáng đ c li t vào s nh ng th th c suy t minh b ch, có h th ng vĩ đ i c a nh ng th k đ i tr c. H n n a l i suy t này còn v t xa h n truy n th ng cũ ch chúng đã dám m o hi m vào nh ng mi n sâu, bí n ch a t ng khai thác. V i m t bi n ch ng sâu s c, tinh vi, chúng đã đi vòng theo nh ng u n khúc quanh c a hi n sinh đ mô t nh ng gì h u nh không mô t n i. Nên l i l p lu n đ đây đã tr nên quá ph c t p, chi ly!
□□□□□□□□□□□□□□□□

Ngoài nh ng giá tr suy t v a nói, triết lý c a Jaspers l m khi th hi n ra nh m t bài h c hay kinh nghi m đ o đ c cao siêu và phóng khoáng. Vì v i m i trình bày hay miêu t v m t khía c nh nào v hi n sinh, tác gi cũng đ ng th i nêu lên m t hình nh đ o đ c đ khích l chúng ta v n lên nh ng khuynh h ng siêu vi t thâm sâu, Nh ng ph i nói ngay r ng: đây không ph i m t th đ o đ c ngo i t i, phi n di n hay t ng quát mà là m t th đ o đ c xuyên t i. Có th nói đây là "đ o t i tâm"□□□□□□□□□□□□□□□□

Tóm l i, đ đây ng i đ c v a h c triết lý l i v a s ng triết lý mình h c. Th c v y, m i l n đ c l i nh ng trang "Triết h c nh p môn" là m t l n trí khôn và tâm h n nh đ c t m l i trong m t s c s ng và suy t m i□□□□□□□□□□□□□□□□

Những giá trị trên, Jaspers đã đúc kết ở Nguồn sống và Hiện sinh. Vì thế ông đã đúc kết xem là một triết gia Hiện sinh sâu sắc và quân bình nhất. Với mục đích hiểu ông một cách thấu đáo, ta cần ôn lại một ít điểm then chốt trong triết học của ông và đáng chú ý gì về nghĩa những ý tưởng đã đúc kết ông khai triển trong "triết học nhân môn".

Những trích dẫn xin nói qua về thân thế và những sáng tác của ông:

Karl Jaspers sinh ngày 23 tháng 12 năm 1883 tại Oldenburg, nước Đức; ông đã học luật khoa tại Heidelberg và München từ 1901- 1902. Rồi ông làm theo y khoa tại Berlin, Göttingen và Heidelberg từ 1902-1907. Ở đây ông đã trình luận án tiến sĩ với đề tài: Heimweh und Verberchen (Nostalgie et Criminalite) vào năm 1909. Sau đó, ông đã được cử làm phó khoa Y khoa, ngành Tâm thần học ở Heidelberg. Năm 1913, ông được thăng chức giảng viên về môn tâm lý học.

Những sau chính con đường Y khoa và Tâm lý học đã dẫn đến ông khám phá những uẩn trong cuộc sống của con người, nên năm 1916, ông đã được mời làm Giáo sư ngôn ngữ, rồi Giáo sư thực tiễn về Triết học tại Heidenberg đúng năm 1921. Những vào năm 1937, vì lý do chánh trị, ông đã bị phong trào Đức quốc xã hủy bỏ chức. Trong thời kỳ ông đã không được phép xuất bản gì cả. Mãi tới năm 1945 ông mới được tái chức và năm 1946 ông được tặng chức " K
lão danh đức"
(Ehrensenator) ở Đức ở Heidelberg.
"

Theo tiêu đề trên, ta thấy trích dẫn Jaspers không phải là một triết gia mà là một nhà Tâm thần học. Quyển Allgemeine Psychopathologie: Tâm thần học tổng quát (x.b năm 1913) là một tuyển tập luận quan trọng mà ngày nay vẫn được coi là một căn bản trong vấn đề. Tiếp đó quyển Psychologie der Weltanschauungen: Tâm lý học về những Vũ trụ quan (x.b năm 1919) . Quyển này chỉ một đề tài và rất quan trọng trong việc hình thành tư tưởng triết lý hiện sinh của ông. Ở đây đã thấy rõ ảnh hưởng của tư tưởng Kierkegaard lên tư tưởng của ông nên không lạ gì khi đề cập ông người ta có cảm tưởng như đề cập một bài chú giải sâu sắc về triết của Kierkegaard.
"

Ngoài Kierkegaard, còn nhiều triết gia khác đã ảnh hưởng không ít trên sự hình thành và

phát triển từ những nhà Jaspers, ví dụ Plotin, Kant, Fichte, Schelling hay Nicolas de Cuse, Giordano Bruno và Spinoza ..v.v..Hầu hết các triết gia đều coi thiên văn học như những Phiếm thần (Pantheisme) và Huyền nhiệm (Mystique).

Hơn nữa, Jaspers còn đi chi u từ những nhà ông với từ những nhà Nietzsche và của Descartes. Theo ông, Nietzsche là một Hi sinh ngoạn (Ausanhme) như Kierkegaard và cũng là một “khích l m đ u” cho triết lý hi sinh. Với Descartes, Jaspers nhận thấy ông này đã khám phá ra được những nguyên lý tuy t v i khi ông “hoài nghi” và “ suy t ng”, nhưng vì Descartes, đã không trung thành với chính “ ngu n su i” y thành ra những nguyên lý kia bị g m ng p đi trong thái độ vô đoán ch t h p.

□□□□□□□□□□□□□□□□

Tóm lại, Jaspers đã khéo t ng h p đ c những khuynh h ng triết lý r t khác nhau y đ ti n đ n v h ng triết h c hi n sinh. Năm 1932 ông đã cho xuất b n b sách l n g m 3 quy n nhan đ PHILOSOPHIE. B sách vĩ đ i PAHIR đ c coi là tr ng tâm t t ng c a ông, vì đây những l p tr ng căn b n v hi n sinh và

nh ng v n đ liên quan đ n truy n th ng triết lý Hy L p và Tây phương đã đ c ho ch đ nh c . Nghĩa là 15 năm sau khi biên soạn quy n Von der Wahrheit (b n v s th c) và b Philosophische Logik (Lu n lý triết h c), ông v n còn trung thành với những l p tr ng c a b Tri t h c đó.

□□□□□□□□□□□□□□□□

Ngoài ra còn phải kể đ n một số sáng tác như h n xem ra h i xa với v n t ng Hi n sinh, những th c s cũng giúp hi u những chi ti t ph thu c c a những v n t ng y, ví dụ quy n Die geistie Situation der Zeit (Hi n tr ng tinh th n th i đ i) và quy n Vom Ursprung und Ziel der Geschichte (Ngu n g c và Ý h ng L ch s). Riêng quy n sau đã đ c trình bày thêm một phần n g n trong bài viết này

T đó tr đi, ông còn khai triển thêm từ những nhà ông nh p vào những t p nh , phần l n g m những bài văn s u t p l i nh : Verunf und Exitenz (Lý tính và Hi n sinh); Existenzphilosophie (Tri t lý Hi n sinh); Derphilosophische Glaube (Ni m tin triết lý) và Einfiihrung in die Philosophie "Tri t h c nh p môn" c a chúng ta đây. Với t ng y sáng tác, s nghi p t những nhà Jaspers qu đã là một công trình l n lao quan tr ng.

□□□□□□□□□□□□□□□□

Bây giờ chúng ta hãy đi vào công việc phân tích tác phẩm của ông. Để tóm tắt có thể nói toàn bộ sáng tác của Jaspers được đúc kết trong ý tưởng then chốt sau đây:
“Thuyết kỹ thuật có Hư”

Câu trên xem ra có thể mâu thuẫn với những điều vừa trình bày sơ lược và có lẽ còn gây thắc mắc trong những ai đã quen thuộc với việc viết những hi sinh của Jaspers từ trước tới nay, nhất là khi viết những lý tưởng những điều hiển nhiên qua những ý tưởng như : sống trong tù công nhân, tội do, bị đày, thuyết bất tử, sự tính, tha nhân v.v..
□□□□□□□□□□□□□□

Những căn cứ trên những sáng tác sau này của ông, nhất là quyển “Về sự thật chúng ta sống cùng triết lý hi sinh” của Jaspers cũng không xa gì lắm với truyền thống “Triết lý vĩnh cửu” (Philosophia perennis) mà ông thường nhắc đi nhắc lại. Trong triết học nhân phẩm, ví dụ, ông viết “Như thế đã rõ, điều hình thức một vài truyền thống giáo dục và học vấn, triết lý xuất hiện với bất kỳ ai cũng con nít. Tuy nhiên, việc suy diễn triết học đòi hỏi phải có góc liên lạc, và phải bắt đầu lại luôn mãi mỗi khi chúng ta đi đến hình thức một hệ thống học thuật...”

Hay: “Ngoài truyền kinh nghiệm Huygenius, là kinh nghiệm bất khả di truyền, còn mỗi khi chúng ta đi đến điều kiện đích nói trên (là vượt mặt hình thức khách thể nhìn sự Hư từ từ), ta không được lý khai với cuộc đời. Trái lại, phải ở trong truyền gian, tức là phải sống động lại bị khách quan, vì chính đó, ý thức chúng ta mỗi sáng tạo. Vì chính sự khúc chiết, triết học kỹ thuật và công nghệ được những giá trị của mình”.

□□□□□□□□□□□□□□
Như thế cũng đã hé lộ ý tưởng: tuy triết lý Jaspers thì tuy có tính cách hi sinh, những điều cũng có tính cách suy lý. Thuyết kỹ thuật năm 1935 trước đi Jaspers đã minh chứng rõ ràng truyền thống này, nghĩa là theo đúng con đường của Kierkegaard và Nietzsche “những con người ngoài đời” là hi sinh chính là hi sinh đức đạo, riêng tư, cô đơn, bí hiểm, nên bất khả di truyền bất cứ bằng ngôn ngữ hay luận ý nào. Cùng lắm chỉ trình bày hi sinh bằng “ký số thuật” hay bằng những “cách ngôn” (Aphorismes) ghi lại theo truyền thống của cuộc đời.

□□□□□□□□□□□□□□
Nhên theo Jaspers, hi sinh ngoài đời chỉ có nhiệm vụ “khích lệ kỹ thuật”. Còn nhiệm vụ của những triết gia truyền thống Hy Lạp là phải trình bày hi sinh một cách mạch lạc và học thuật. Như vậy, mặc nhiên phải công nhận một lý luận nào đó. Vì thế ông đã viết: “Không phải những con người ngoài đời, những chúng ta phải triết lý về việc con người nhìn ngoài đời”. Qua câu nói này, rõ ràng ông đã chú ý học hỏi hai nhiệm vụ cho một triết gia thời nay. Một là phải căn cứ

trên Hi sinh mà suy nghĩ cho sâu xa, thâm trầm và linh động, chứ không được căn cứ trên

lý trí như triết gia. Hai là phải suy nghĩ cho có mục đích. Nhưng vì Hi Lạp sinh là một đấng
triết gia phải có, u u nên triết gia phải có một thứ luân lý triết gia đi kèm.

Vì vậy, tuy triết lý hi Lạp sinh thế giới là lý và phải nên những thế giới khác
kể cùng nó cũng vẫn yêu sách một thế giới thế giới, tuy để có gì bên ngoài một danh từ khác
là “Systematik”.

Nói tóm, chủ đích của Jaspers là mục đích phải lý trí và Hi Lạp sinh.
Nên nhiệm vụ của triết gia đó là một cuộc phải lý trí và Hi Lạp sinh.

Vì vậy, ngay ở đây đã có thể nói rằng: Triết lý của Jaspers đi quanh
một con đường khác, khá dài dòng để rồi sau cùng lại trở về với
truyền thống của Hi Lạp, trong đó một thế giới khác nhau nhưng cùng theo đuổi một
chủ đích duy nhất là tìm kiếm Hư (le probleme de l’etre). Và song song với vấn đề Hư
còn phải tìm kiếm Thế. Như thế đã

rõ, bên ngoài trăm ngàn năm, một thế giới triết gia quay về với

Parmenide, người đầu tiên đã học để con đường Chân lý và triết gia
(le chemin de l’Aletheia).

Tóm lại, vấn đề Hư và Thế hay Thế và Hư đã là và mãi mãi còn là
vấn đề muôn thuở cho khuynh hướng triết lý Hi Lạp và Tây phương.

Qua lời trình bày về Hư và những cách thái Hư theo bao dung triết gia
Jaspers ta sẽ nhận chân ra được điều đó. Nhưng trong bài viết này chúng tôi chỉ có thể trình
bày những cách thái Thế đi song song với những cách thái Hư

Trong bối cảnh triết gia, Jaspers đã trình bày 3 bình diện Hư thành 3 quy

khác nhau là: Hư thế giới nghiệm hay Hư vật (Objektsein) rồi đến Hư tôi hay Hư hi Lạp sinh
(Ichsein) sau cùng là Hư Tự Tại (An-sich-sein) để có thể coi như các điểm cho một Hư
quy về.

Phân sát toàn sự Hư thành những bình diện khác nhau như vậy Jaspers đã đem ý
chúng lại những khuynh hướng Hư thế giới (Ontologies) của, vì những khuynh hướng này
đã mục đích của sự Hư đã tập và duy có một loại sự Hư nào đó, như ông viết
trong Triết gia môn rằng: “Vấn đề đầu tiên của triết gia là vấn đề: Sự Hư nói chung
là gì? Thoạt tiên ta thấy muôn vàn sự vật: những sự vật trong thế giới Hư hình, những

Nói chung, quan niệm Bao dung th đã đ c nghĩ ra đ ch ng l i l i bi t và lý lu n theo khuôn kh rõ r t và khách quan, nh l i bi t b ng Trùng h p và phân ly ráo ri t gi a ch th và khách th . Nghĩa là đ đây, m i tri giác, m i ý t ng m i tình c m...c a ta đ u đ c quan ni m theo nh ng khuôn kh , h n t rõ r t đ tr thành nh ng "ý t ng minh b ch và khúc chi t" theo ki u c a Descartes ch ng h n. Vì bên ngoài và chung quanh m i cái luôn luôn có m t cái gì r ng rãi h n "bao quanh" (Bao dung) l y. Nói m t cách c th , m i cái đ u th hi n ra v i ta nh m t tr ng nh ng đ m b "qu ng tr ng" vây quanh thành ra tr ng không đ c rõ mà qu ng tr ng cũng không rõ. Jaspers th ng g i đó là m t "chân tr i" (Horizont) r ng h n bao quanh l y m i cái.

N u m i ý t ng, m i tri giác ,m i tình c m đã nh th thì nhi u cái h p l i cũng nh th và v n s h u h p l i cũng nh th n a, thì nh ng gì đ c các h th ng cũ nh Hegel g i là "toàn th " (Totalite) không còn tính cách rõ r t c a chúng n a. Vì bên ngoài chúng cũng có nh ng chân tr i bao dung h n vây quanh l y chúng. Đó là bao dung th . Trong Vernunft und Existenz (Lý tính và hi n sinh), Jaspers đã đ nh nghĩa bao dung th m t cách tiêu c c nh sau “ Toàn th nào tr thành đ i t ng tri th c bi u t ng cho ta... thì không còn là Toàn th n a .”(Alles, was uns Gegenstand wird,...its nicht Alles) .

Qua m y đ i u gi i thích trên, quan ni m bao dung th đ c hi u là m t cái gì bao hàm c ch tri và khách tri hòa m t, ch không có s phân ly, tách r i nh tr c. Trong tri t h c nh p môn ông cũng gi ng nghĩa nh v y : M i khi, h nhìn vào s phân ly ch th - khách th kia, ta th y hi n lên m t ý nghĩa huy n bí : V y ý nghĩa y là gì? Th a chính là s h u toàn đ i n. Nh ng s h u toàn đ i n này không ph i đ i t ng khách th , cũng không b n ng ch th , mà là bao dung th , th hi n trong phân ly nói trên.

Nh ng tho t tiên trong tác ph m Trị t h c, Jaspers m i nói t i 3 bình đ i n h u; v sau đ trung thành v i c g ng ph i h p Lý trí và Hi n sinh, ông đã phân s p s h u thành 4 cách thái h u cũng g i 5 cách thái bao dung th mà trong tri t h c nh p môn, ông đã l c tóm nh sau: "Đ n đây tôi thú nh n không th trình bày ý ni m y v n t t h n đ c n a, ch tóm l c nh sau : Đ c quan ni m là chính s H u. Bao dung th mang tên Siêu vi t th (T o hóa) hay Vũ tr . Còn khi đ c quan ni m theo s h u th c a chúng ta thì Bao dung th l i mang tên: Ch th sinh t n, Ý th c ph quát và Tinh th n."

V y có th nói : trong s 5 cách thái bao dung th y , có 2 cách thái không ph i c a hi n sinh là m i ng i chúng ta. Hai cách thái y là Vũ tr ngo i t i và Siêu vi t th . Còn trong ta có 3 cách thái bao dung th là Ch th sinh t n; Ý th c ph quát và tinh th n, r i g m c ba là HI N SINH. Siêu vi t th là H u-t -t i s đ c nói t i sau h t vì nó là t n đ i m c a bi n ch ng nh y v t.

Bây giờ hãy bắt đầu từ bình diệnthrop nh:

HU KHÁCH QUAN cũng gọi là công cụ thám hi m Vũ tr . Lãnh vực hu này bao hàm tất cả những gì tồn tại ngày ta bắt gặp, quan sát và tìm hiểu bằng thái độ tri thức đúng đắn và những kho c u khoa h c. Đó là vũ tr v n v t và chính c thành ph n th xác, sinh lý c a con ng i n a .
Đ c tính c t y u c a nh ng s H u này là khách quan tính, nghĩa là chúng đ c các nhà khoa h c kh o sát chúng nh nh ng đ i t ng khách quan. Nh ng n u đã ch p nh n tính cách khách quan y thì đ ng nhiên ph i ch p nh n hai hu qu sau đây:

□□□□□□ □-M t đàng, n u s ngo i t i đ c coi là khách quan thì thi t y u ph i gi thi t m t ch tri; vì ch có đ i t ng khách quan là khi liên h v i m t thái đ “ h ng nhìn” c a ch tri ý th c. S liên h này nói lên nguyên t c ý h ng tính c a Husserl.

□□□□□□□ -Đàng khác, n u ch duy có bình diện này có tính cách khách quan thì nh ng bình diện sau nó không th có tính cách khách quan và nh v y không th áp đ ng duy m t l i tri th c khách quan tr c h đ c.

□□□□□□□□□□ Vi v y ngay ở đây, Jaspers đã không ch tr ng dùng đ ng l i khách quan c a khoa h c th c nghi m đ thám hi m s bí n, t ng m c c a vũ tr , mà ph i dùng l i tri t lý hay đúng h n ph i dùng l i bi t theo bao dung th . Đi m này đã đ ng nhiên mang l i m t ph ng pháp m i cho vi c tìm hi u vũ tr . □□□□□□□□□□

Th c v y, ban đ u ở Hi L p v i quan ni m “ Phusis” và “ Kosmos” có l ng i Hi L p x a đã quan ni m vũ tr nh m t hòa âm, trong đó ng i và v t không th tách r i nhau thành ch th , khách th , nh ng đ n dà v sau t t ng Ph ng tây đã quami m vũ tr là m t toàn th nh ng gì ngo i t i, tách bi t, l m khi còn ch ng đ i v i con ng i.

Nh ng nguyên nhân đ a đ n quan ni m y quá ph c t p không th nói ra ở đây nh ng ch bi t r ng: theo m t ít nhà t t ng nh Heidegger ch ng h n thì s phân tách m t

bên là vũ trụ ngoi tĩ và mĩt bên là chĩ tri nĩ
ĩ tĩ nhĩ thĩ dĩ bĩ t nguĩ n tĩ
nhĩ ng nĩ n siũ hình hĩ c dĩ quên sĩ hĩ u mà chĩ thĩ y cĩ Vĩ t hĩ u, rĩ i ngĩ i ta mĩ i dĩ ch
Phusis thành Physique và Nature physique.

□□□□□□□□

Do đó, quan niĩ m vĩ vũ trũ hĩ c dĩ trũ thành mĩt lĩ i tìm hiũ u vũ trũ vĩ n vĩ t mĩ t cách
khách quan. Rĩ i khi khoa hĩ c thĩ c nghiĩ m dĩ n, nó cĩng đĩu sũ phân cách
khuyñh hĩĩ ng khách quan y hĩ n nĩ a.

□□□□□□□□

Vĩ i nhĩ ng lĩ i suy tĩ và phĩĩ ng pháp nhĩ thĩ, cĩ triĩ t hĩ c và khoa hĩ c dĩ hy vĩ ng dĩ t tĩ i
đĩĩ c toàn dĩĩ n khách quan vĩ vũ trũ. Nghĩa là tuy cĩ muĩ n phân sấp vũ trũ ngoĩ i tĩ i
thành trĩm ngĩn mĩ nh (Nhĩ Whitehead nĩi : La nature est en hallons)! dĩ khĩ o cĩ u tĩ ng
mĩ nh mĩ t cách tĩĩ ng tĩ n. Các khoa hĩ c thĩ c nghiĩ m và triĩ t lý vĩ n ngĩ m ngĩ m ĩĩ c vĩ ng
nĩ m dĩĩ c vũ trũ nhĩ mĩ t toàn dĩĩ n. Nhĩ ng theo Jaspers ĩĩ c vĩ ng dĩ dĩ không bao giĩ
thành tĩ u.

□□□□□□□□

Vĩ y nhĩĩ m vĩ cĩ a triĩ t lý bao dung thĩ là phĩ i biĩ t nhĩ n ra dĩu là nhĩ ng giá trũ và dĩu là
khĩ năng giĩ i hĩ n cĩ a khoa hĩ c. Dĩ dĩ là thĩ dĩ bĩnh luĩ n do Kant dĩ xĩĩ ng mà Jaspers
tĩĩ p tĩ c và khai triĩ n dĩ dĩ. Vĩ vĩ yĩ ông dĩ dĩ dĩ p thĩ ng dĩĩ m trũ ng yĩ u nhĩ t cĩ a nhĩ ng vũ
trũ quan dĩ trũĩ c, tĩ c là ĩĩ c vĩ ng nhĩn vũ trũ nhĩ mĩ t toàn dĩĩ n khách quan.

□□□□□□□□ Trũĩ c hĩ t ông dĩ dĩ minh chĩ ng rĩ ng vũ trũ vĩ n vĩ t này không phĩ i mĩ t mĩ
nhĩ ng sĩ vĩ t riĩng rĩ, dĩĩng kĩn không liĩn hĩ vĩ i cĩi gĩ ĩĩ ngoĩi chũng cĩ, cũng không
phĩ i mĩ t toàn dĩĩ n nhĩ t trí không bĩ bao phĩ do mĩ t "chĩn trũ i" nĩi cĩ, nhĩ ông dĩ dĩ vĩĩ t
trong triĩ t hĩ c nhĩ p mĩn: " Vĩ y nhĩ ĩĩ phĩĩ ng pháp mà nhĩ ng kĩĩ n thĩ c dĩ tĩ p
mĩ i trũ thành khoa hĩ c, nghĩa là lúc ban dĩ u nhĩ ng kĩĩ n thĩ c khoa hĩ c cĩn tĩ n mĩt, vĩ
sau tĩĩ n triĩ n thĩm mĩi, nhĩ ng nhĩ khoa hĩ c phĩ i cĩ phĩĩ ng pháp dĩ liĩn kĩĩ t chũng
thành mĩ t hĩ thĩ ng nhĩ t".

□□□□□□□□ Dĩ dĩ là nhĩ ng nguĩn tĩ c lý thuyĩ t liĩn kĩĩ t mĩ i sĩ thành mĩ t khoa hĩ c. Rĩ i
nhĩ u khoa hĩ c kĩĩ u dĩ dĩ muĩ n dĩĩĩ c kĩĩ t lĩ i thành mĩ t Vũ trũ quan.

□□□□□□□□ Dĩ dĩ là khuyñh hĩĩ ng muĩ n tìm ra mĩ t vũ trũ quan dĩ dĩ dung nĩ p mĩ i sĩ thành
mĩ t khĩ i nhĩ t trí và khĩp kĩn chĩ t chĩ. Khuyñh hĩĩ ng yĩ là mĩ t khuyñh hĩĩ ng rĩ t tĩ
nhĩĩn và bĩ t khĩng, vĩ nó muĩ n dĩĩng cĩ mĩ t khĩĩ niĩ m dĩ dĩ dĩng nĩ p mĩ i sĩ. Nhĩ ng phĩ i
nĩi ngay rĩ ng: khuyñh hĩĩ ng yĩ cĩn cĩ trĩn mĩ t sai lĩ m nĩ n tĩ ng mà cho dĩ n ngày nay
ngĩĩ i ta dĩ dĩ biĩ t rĩ.

□□□□□□□□

Nhưng các vng mu n nhìn vũ tr nh m t toàn đ n v n ch a đ u hàng, các khoa h c còn hy vng c u k t v i nhau thành m t kh i nh t trí khác g i là nh t trí khoa h c b ng hai cách:

- Đàng, liên k t m i khoa h c bên nhau thành m t h th ng nh A.Comte đã mu n làm.

- Đàng khác, tôn m t khoa h c nào đó lên hàng tuy t m .

Nhưng nh t trí toàn đ n c a các nhà khoa h c này v n không th th c hi n n i.T h c v y, khi bi t phê phán m t chút, không nh ng ta th y ngay r ng : T t c vũ tr quan đã đ c ng i ta đ ngh ra t tr c t i nay đ u sai l m và không th đ ng v ng đ c. H n n a, óc lý lu n còn minh ch ng r ng: nh ng h th ng mà các nhà khoa h c có nhi m v ph i thi t l p thì thi t y u và t căn b n chúng đã khác bi t nhau và không th dung n p l i v i nhau đ c.

Đàng khác, tôn m t khoa h c nào đó lên hàng tuy t m .

Đó là s th t ngày càng rõ r t khi mà khoa h c càng ngày càng phát tri n. Ta th y, nh ng h th ng lý thuy t khoa h c càng mu n bao quát dung n p r ng rãi thì càng ngày càng không th liên t c đ c, nh t là v t lý h c. Vì g a các lãnh v c s v t đ u có s phân sáp, ví d : lãnh v c v t lý không th dung n p v i lãnh l c sinh h c, lãnh l c sinh h c l i khác v i lãnh v c linh h n và lãnh v c linh h n l i khác v i lãnh v c tinh th n.

Tr c s th t b i y, t t nhiên trí khôn ta ph i th c m c xem bên ngoài nh ng gi i h n kia, các khoa h c còn mang m t ý nghĩa nào không?

N u vũ tr có th lãnh h i đ c nh m t toàn đ n khách quan th c s thì khoa h c có th đi vòng quanh và th u tri t đ c s h u toàn đ n. Nh th , bên ngoài khách quan tính c a vũ tr không còn ph i tìm ki m n a và không còn suy t tri t lý hay siêu hình n a.

Nhưng khi khoa học phát triển thì nó đã khởi phát lên một ý nghĩa. Trị t lý là con đường tìm kiếm và ý nghĩa này.

Như thế, vũ trụ này không có ý nghĩa đích thực vì nó không phải một thực thể viên mãn. Nên luôn luôn nhắc nhở ta phải dùng sự vật này để nhìn thấy sự vật khác (nghĩa là dùng vũ trụ để tìm một cái gì khác ngoài nó). Vì vậy không ai biết được khoa học trong tương lai sẽ còn đi tới đâu và nó sẽ mở ra cho loài người bao nhiêu chân trời mới hoặc bao nhiêu vực thẳm mê mông nữa?

Nói tóm, Hư khách quan là một hình thái hư ta đã cố gắng lĩnh hội như một toàn diện khách quan, nhưng không tài nào lĩnh hội được. Vì vậy nó là một hình thái bao dung thế riêng biệt của nó. Và nếu muốn vươn lên bình diện trên phạm vi "những vật" vì thế cùng của vũ trụ còn một "chân trời" khác bao phủ nó.

HƯ HỒN SINH cũng gọi là việc minh giải hiện sinh (Ichsein-Existenzerhellung). Hư hiện sinh đây được hiểu như một cá nhân cụ thể trong nội tính hay chủ thể tính được đặt vào nó, nghĩa là như một bản thể riêng biệt, biệt lập với sự vật thế giới khác. Chủ thể riêng có nó mới dám mang danh nghĩa là một Hiện sinh (Existenz). Nó chính là khởi điểm và là nguồn suy nghĩ suy tư cho triết lý, vì triết lý sự thật yêu là suy tư trên thân phận con người, hiện như là một hiện sinh hoàn toàn tự do. Và tự do này được phân tích như thế hiện trong một hiện sinh cá biệt, được đặt vào, duy nhất.

Tìm kiếm đó, hiện sinh tự do yêu là được nhìn trong tình trạng sự tính đích thực với nó. Sau cùng hiện sinh tự do nhưng không cô lập (như với Kierkegaard), mà thật yêu liên hệ với người khác và thông cảm được với họ. Vì thế cũng là nhưng con người tự do, cá biệt, được đặt vào và duy nhất cũng sống trong nhưng hoàn cảnh và sự tính như vậy.

Nhưng sau cùng và trên hết, hiện sinh còn liên hệ và hướng về Hư tự tại. Nên cách thái hư của nó càng trở nên phức tạp, không thể nhìn nó bằng thái độ khách quan như trong lịch sử triết lý Hi Lạp và Tây phương đã nhìn nó như Chủ thể sinh tồn, hoặc Ý thức phổ quát, hoặc là Tinh thần. Trái lại phải nhìn một cách thái hư bao quát trong hiện sinh theo quan điểm bao dung thế như sau:

a) Trách nhiệm hư t là Hư thế giới nghiệm hay là chủ thể sinh tồn (Dasenin). (Xin đừng nhầm với

Dasein của Heidegger) thì thời gian của nó cũng được sống trong một vị trí và một thời gian, nghĩa là bình diện này của nó cũng được sống trong một sự sống trong muôn sự sống vô linh mà được tính toán là trường được. Hơn nữa, của nó còn mang những tính cách của sinh vật ví dụ như một sinh lý. Hiện sinh này cũng biết ăn uống, giao cấu, sinh sản, truy tìm sự sống và cũng mang những tính cách di truyền tính hay của cha mẹ nó và cũng sinh sống như một sinh vật. Rồi về mặt tâm lý, Hiện sinh còn thể hiện ra qua một ý thức về những quan năng và phần của tình cảm, lý trí cùng ý chí và những thái độ tâm lý thẳng thắn về những gì chung quanh nó và về nó. Nói ngắn gọn, hiện sinh này có thể là một trường khách quan cho những khoa học như sinh lý học, tâm lý học, xã hội học và sự học. Bởi nó là một thực thể thực nghiệm của nhiên giới, vì con người là một thực thể trường hoàn toàn có thể hiểu biết được.

Do đó những lý thuyết về những thực thể thì khác nhau khác biệt giữa những thực thể này với những thực thể khác; rồi nhà phân tâm học mới nghiên cứu được một số của tâm thức; và chủ nghĩa Mác mới coi con người như một sinh vật sống được biết của lao và sản xuất để cho những thực thể thiên nhiên.

Đó là một cái nhìn đúng đắn về lĩnh vực của một cái gì đó xác thực, nhưng không bao giờ lĩnh vực của toàn diện của con người. Vì con người vượt xa trên những bình diện của nó.

Thực vậy chúng ta có con người và duy nhất có con người mới mang thêm cho những bình diện của nó những gì được đấng, ví dụ như ngôn ngữ, được làm ăn, những phát minh, những hình ảnh của điều kiện và trên hết con người có thể tự mình rèn luyện chính bản thân mình.

Như thế đang khi mới sinh vật khác chúng được sống theo bản năng thiên nhiên trong những khuôn khổ nhất định, thì chúng duy có con người mới biết hiểu được sự sống tràn đầy ra chung quanh nó, vì con người đã dùng những hình thái bao dung bên trong nó. Đó là một ý thức bao dung của nó có ngay từ từ trường này, nhưng vì lúc khi quá quen thuộc với những thực thể thực nghiệm như những khuynh hướng nhìn con người như một con vật cấp cao nên người ta đã quên mất tính cách huyền bí bao dung của con người.

b) Như ý thức bao dung của nó, chúng ta mới vượt lên được của hiện sinh quan niệm những thực thể phổ quát (Bewusstsein überhaupt). Sẽ dĩ nhiên nói đến tính thái của nó vì

trong lịch sử triết học phương tây, không có Descartes, nhất là Kant đã coi hiên sinh là một ý thức tri thức không hiện không kém; vậy theo Kant và Jaspers lập luận đây, chúng ta chỉ là ý thức trong sự phân ly chủ thể - khách thể, nghĩa là đối với mỗi sự, tất cả hiện sinh của ta chỉ là một chủ thể (Sujet connaissant) đang đối diện với những đối tượng khách thể của mình.

Vì vậy sẽ liên

quan giữa hai bên chủ thể và khách thể và chủ thể một cách vô tư, bàng quan không dính líu gì với nhau cả.. Ta có thể hình dung quan niệm chủ thể này như một máy ảnh, bởi chụp lấy, miễn là có cái cho mình chụp hay như một máy ghi âm ghi bắt cả cái một cách vô tư, lạnh lùng.

Tóm lại, hiên sinh như vậy không còn bị sự ràng buộc, không còn bị trướng cựa mớ nhúng nhem bị đất hay hoan hỷ của cuộc đời, không còn bị trướng vui hay phân vân ngại ngại mà chỉ tìm hiểu chúng theo những góc giác cảm tính và những mô thức tiên nghiệm. Trong việc này hiên sinh mới chỉ được nhìn một cách hiện thực, phiến diện như một thực thể khách quan đóng kín.

Những người nhìn theo quan điểm bao dung thì bên ngoài ý thức phổ quát đã thấy lóe sáng một "chân trời" mới. Vì ngay ở đây, người phân tích thì cùng những khả năng của ý thức phổ quát, thì trong nó đã thấy những cái khác, cao hơn, sâu hơn nó rồi. Nói khác đi, con người còn có thể phá tung những khuôn khổ của thực thể những nghiệm bao quanh để thấy những gì mà Kant đã gọi là ý thức vô vũ trụ, như đó mà con người có thể bao hàm được mọi thực thể để đưa vào trong những hình thức cao hơn.

Nói tóm, hiên sinh có thể đi tới chỗ vượt khỏi vũ trụ bằng tư tưởng và hiên sinh cũng có thể để cho nó bị những đi như thế không có gì cả. Bởi "Suy niệm còn có nghĩa là hiểu được sự cảm nhận của tư tưởng". Vì biết tư tưởng là bắt đầu biết làm những gì như hiểu biết đích xác được sự vật, người ta mới nhận ra được sự cảm nhận của trí khôn....

Rồi những đối diện được của lý luận càng có sự cảm nhận những bách, hay những chứng minh theo lý luận nhân quả càng hiện nhiên và thực thể của những thí nghiệm càng rõ rệt nếu những phương pháp càng được áp dụng một cách minh mẫn. Đó là sự cảm nhận của lý tưởng những khi gặp những gì hiện, tất nhiên đó là lúc bắt đầu cho việc suy tư triết lý đích thực

c) Hiện sinh còn là tinh thần. Qua danh từ này ta nhận ra ý tưởng then chốt trong triết lý của Hegel. Vậy, có thể nói theo quan điểm lịch sử triết học, Hegel là học trò tìm kiếm bao dung Kant hay tinh thần là học trò tìm kiếm bao dung lý thuyết phổ quát. Nhưng hiện học tinh thần là gì?

Đó là

ý thuyết phổ quát, mỗi hiện sinh đều có đặc trưng ý tưởng đặc thù, nhưng đó nó có thể lĩnh hội được ý tưởng chung bao hàm tất cả. Ở đây, những ý thuyết phổ quát hay trí năng phân tán, lý giải đều như đặc trưng ráp lại, hay liên kết với nhau và như lôi cuốn vào một sự vận hành có tính lịch mẫn của tinh thần. Nếu không may những ý tưởng ấy bị tiêu tán mất thì cấu trúc này cũng bị sụp đổ luôn và mỗi sự phân tán thành những thực thể riêng lẻ, thì mất mát không thể hiện ra ngoài.

□□□□□□□□□□□□

Những ý tưởng ấy có nhiều loại như ý tưởng thực tiễn và nghệ thuật, niềm vui... trong đó con người tự thực hiện chính mình, loại cũng có những ý tưởng lý thuyết như vũ trụ, linh hồn, sự sống... Những ý tưởng ấy học được ta như kích thích bên trong hay như sự chấp nhận của những toàn diện tưởng tượng của đời sống trong vận động. Những ý tưởng này loại không phải những đối tượng khách quan, những chúng xuất hiện thành những sự đời và hình thức nên chúng thường thể hiện trong ta như những đời sống hiện diện trong ta đời kích thích ta hành động một cách hiện thực. Đời sống chúng vận mang tính cách một toàn diện hàm hồ, vô hạn đời. Tính cách hàm hồ, vô hạn đời này như cái gì bao dung hiện. □□□

□□□□□□□□□□□□

Nói tóm lại, cả ba hình thái bao dung thuyết đều là những hình thái nói lên sự thu nạp của hiện sinh vào trần gian. Nếu coi những bao dung thuyết này như những thực thể khách quan thì hình như bình diện tưởng tượng nghệ thuật, nghệ thuật ta có thể coi hiện sinh như những đời tưởng tượng cho sinh vật học, tâm lý học, xã hội học và luân lý học không hiện không kém. Những học của ta không những là đời tưởng tượng khách quan như vậy, nó còn là một cái gì khác nữa.

d) Như vậy nói rằng ra, chúng sinh còn là hiện sinh khác biệt vì riêng sự hiện học của chúng ta là do một nguồn sự ngoài và bên trên những thực thể của lĩnh vực tưởng tượng nghệ thuật, của ý thuyết phổ quát và tinh thần. Đó mới là thực chất của ta. Thực chất ấy thể hiện ra qua những hình thức sau đây:

□□□□□□□□□□) Qua sự bắt đầu của con người cảm thấy khi đời sống chính mình, nghĩa là trong hiện sinh chúng ta cảm nhận nghệ thuật và thực vật cái gì siêu việt hơn cuộc sống sinh tồn,

sở hữu biệt lập ý thức và cả bình diện tinh thần.

(ii) Tuy tất cả đều coi như một Hữu đích thức của hiện sinh. Tuy tất cả ý là căn cứ mà hiện sinh phải đem cả cuộc sống để phục vụ, vì tất cả mọi ý nghĩa và giá trị của cuộc đời đều do Tuy tất cả ý mà phát xuất.

(iii) Trong kích lệ liên lệ vốn nếm nhứt trí, vì con người không thể mãi đi về phía một cái nào trong những cái thái bao dung thế, hay tất cả mọi cách thái bao dung hợp lệ. Trái lại, hệ thống của chúng ta vốn nếm nhứt trí cao cả nhất và chủ yếu có nó là hữu đích thức và hệ thống.

(iv) Trong một hoài niệm huyền diệu, chúng ta nhớ một am hiểu nguyên nguyên (Schelling) hay chúng ta nhớ lại những gì đã chiêm nghiệm được trước kia một thế giới khác (Planton)

(v) Hay trong ý thức họ có vẻ cuộc sống sinh hoạt, những đây những sinh không phải là tiếp xúc cùng một cuộc sống như thế hiện diện một hình thức khác mà như là một sống thân trong một trạng thái đời đời, không còn thời gian.

(Như thế, theo những hình thái bao dung thức của hiện sinh, cái nào cũng hàm chứa một phân ly chủ thể - khách thể, những phân ly trong một bình diện của chủ thể và khách thể .

Ví dụ: Với bao dung thức của chủ thể sinh tồn thì có sự tương hợp của vũ trụ khách quan ngoài và thế giới nội tâm. Với bao dung thức ý thức phổ quát thì có ý thức và đời sống của nó tương hợp nhau. Với bao dung thức tinh thần thì có sự tương hợp giữa mọi ý tưởng trong ta và ý tưởng khách quan xuất hiện ra với ta. Với bao dung thức hiện sinh thì có sự giữa cơ thể hiện sinh và siêu việt thế.

Đây hiện sinh và siêu việt thế gặp nhau. Đó là hai mặt của Jaspers phân tích thế mà luôn luôn gắn liền với nhau. Và hình như phải nói rằng: đó mặt thế nhất chủ có lý do tồn tại trong đó mặt thế hai. Vì vậy đúng là một nguyên lý: Trị t lý hiện sinh của

Jaspers chỉ suy tư về thân phận con người như là một hiện tượng luận thuần túy. Trái lại, khi triết gia nhìn nhận trên thế do của hiện sinh, tác giả không chỉ ý định làm rõ trên thế do mà còn vươn lên một bình diện cao hơn. Về ý hiện

sinh thực sự là gì?
Danh từ và quan niệm "Existenz"

(hiện sinh) được nêu ra ở đây chỉ ý tách

biết về quan điểm triết gia triết lý cũ, hiểu như một trí năng hay tinh thần.

Tiếp tục Pascal và Kierkegaard, Jaspers quan niệm chỉ thế hiện sinh là khả năng riêng biệt nhất của mỗi người, đó là thái độ của mỗi người khi gặp trở ngại, bị cấm và thái độ của người khác trong cuộc sống và trong xã hội.

..... Nói cho đúng, danh từ của hiện sinh thực sự của Jaspers coi như định nghĩa về danh từ Nguôn suối, theo đó, hiện sinh phải hiểu là một sự trào vọt từ thẳm sâu từ nguyên của mỗi con người, hay là một tác động như vậy vọt như đó mỗi hiện sinh vọt ra ngoài lĩnh vực thông thường của lý luận trên một bình diện cao hơn và khác hơn. Có thể con người mỗi thế do.

Tóm lại, qua danh từ hiện sinh vừa nói, ta có thể thấy được tính sau đây của nó:

-..... Hiện sinh là một điều gì không thể định nghĩa được, như Jaspers cũng đã viết: "Con người là gì?" Sinh lý học nghiên cứu thực xác, tâm lý học nghiên cứu tâm linh và xã hội học nghiên cứu xã hội tính của họ ...

Đó là định nghĩa làm cho con người của khoa học nhân văn. Tuy nhiên chúng cũng chỉ đem lại được những kiến thức tầm mắt, chứ không thể là con người toàn diện được.

-..... Hiện sinh còn được gọi là nguyên thủy và đích thực nhất. (Phần sau bài viết, trong đơn trình bày)

về tinh thần của triết lý siêu nhiên nói rõ về lý siêu nguyên thủy và đích thực này) ở đây tác giả chỉ nêu ra những hình thức sống không đích thực có thể phỏng đoán cho tinh thần của lý luận cho về sống đúng nguyên thủy đích thực của nó.

"Các chính sách chuyên chế thế giới để kết tinh thần của lý luận cá nhân, ví dụ một tôn giáo võ đoán khi nó cố gắng bách mọi người phải phục tùng một chân lý duy nhất mà không để cá nhân theo sự thích của riêng họ ..."

thì t y u còn là s ng trong hoàn c nh nh tr n đã nói s qua v Dasein. Vì th ng th ng hoàn c nh đ c hi u theo nghĩa m t v trí không gian, ch tôi ng i, đ ng hay n i chôn nhau c t rún...Nh ng đ đây hoàn c nh đ c hi u là hoàn c nh riêng t , đ c áo c a m i con ng i, không th thay th b ng hoàn c nh nào khác đ c, vì hoàn c nh này không ph i t ngo i t i mà đ n. Do đó, m i hoàn c nh còn là hoàn c nh gi i h n (grenzsituation) nh nh ng khuôn kh giam hãm m i hi n sinh. Nh ng hoàn c nh y r t nhi u và ph c t p, trong đó có nh ng hoàn c nh thay đ i luôn, m i hoàn c nh còn có th đ c thay th b ng m t hoàn c nh khác, l vi c này tôi có th toan tính vi c khác....và c nh th mãi. Nh ng n u hoàn c nh có th thay đ i đ c mãi nh v y thì chính tôi cũng không ng t thay đ i, chuy n hóa t hoàn c nh này sang hoàn c nh khác liên miên. Đó là m t hoàn c nh đ c Jaspers g i là hoàn c nh gi i h n n n t ng cho m i hoàn c nh đ c thù đ n sau.

□□□□□□□□□□□□□□

Nh ng hoàn c nh gi i h n y th ng có tính cách t t đ nh nh m i con ng i s sinh tr ng ra t i m t n i này ch n kia, do nh ng cha m , bà con không cho mình l a ch n, hay m i ng i đ u mang cho mình m t x m nh hên hay xui, may m n hay không may m n là nh ng gì đ c coi nh t vi c a m i hi n sinh. Nh ng hoàn c nh y, m i con ng i không th r b hay ph nh n đ c nên đành ph i ch p nh n chúng y nh sinh v t s ng v i b n năng, nh ng hi n sinh còn có th ch p nh n nh ng hoàn c nh y b ng t do. H n n a, ngay v i nh ng gì x y ra tình c , con ng i còn có th coi chúng nh nh ng s ki n không t t đ nh, nên h có th không bi quan y m mà l i can tr ng ch p nh n chúng.

□□□□□□□□□□□□□□

Do đó, có th nói s tính tr c h t không là gì khác cho b ng hoàn c nh gi i h n hoàn c nh v i tính cách nh m t t t đ nh mà hi n sinh ch u đ ng nh ng l i ch u đ ng m t cách t do nh m t thành ph n c a chính mình. T p đó còn ph i thêm vào ý nghĩa s tính y m y đ c đi m sau đây:

-□□□□□□□□ S tính còn là tình tr ng dung hòa h u th ng nghi m v i hi n sinh, nghĩa là tuy cũng nh s v t, m i hi n sinh đ u sinh ra và mang theo mình m t s nh ng đ c tính c đ nh trong h u th ng nghi m c a mình, nh ng đ ng th i hi n sinh còn ch p nh n nh ng cái đó b ng chính cu c đ i c a mình, là s ng v i chúng và tìm cách thăng hoa chúng. Do đó s tính cũng đ ng th i là s dung hòa đ c c t do và nh ng gì bó bu c t t y u nh ng nh th ch a đ .

-□□□□□□□□ S tính còn là dung hòa đ c c th i gian và h ng c u. Vì s tính là m t “kho nh kh c” (instant) hi n sinh nh Kierkeggad nh n xét v cu c s ng hi n th c a

ngồi trên bàn: “chúng ta quyết định trong thời gian hiện tại” (nous decidons dans le temps de notre éternité). Trong khi sống đầy ý nghĩa của lịch sử, ta còn phải vượt qua lịch sử để vươn lên thời đại mới”

.....
Như thế hoàn cảnh hiện tại và sự tính là hai yếu tố đi song song nhau. Về hoàn cảnh hiện tại, Jaspers cũng đã viết trong triết học nhân bản sau: “Hãy chú ý sự phân biệt chúng ta, tất cả thực tại nó bị giam hãm trong những hoàn cảnh của đời sống. Hoàn cảnh này khác với hoàn cảnh khác. Mọi hoàn cảnh đều là hoàn cảnh không bao giờ trở lại. Tôi có thể dần dần thay đổi môi trường hoàn cảnh.”
Nhưng có những hoàn cảnh thì tất yếu không thể thay đổi, tuy bên ngoài có thể thay đổi chút ít hay chúng không phơi bày hết tiềm ẩn của chúng. Đó là những hoàn cảnh hiện tại của đời sống, đau khổ, chiến tranh, lịch sử của những cộng đồng, và lịch sử của nhân loại trong xã hội hiện đại”

..

Đó là tình trạng của những cộng đồng hiện sinh và những hoàn cảnh hiện tại.

Nhưng bên cạnh đó, còn sự sống của những cộng đồng hiện sinh và những người khác nữa mà Jaspers gọi là sự thông cảm. Vì đây mọi hiện sinh đều là hiện sinh và thực hiện ý nghĩa làm người của mình với những người khác nữa chứ không phải là như hai sự vô linh nằm bên nhau nên cuộc sống của hai bên phải được tiếp theo một nhịp điệu chung bằng trao đổi, bằng hiểu biết lẫn nhau, bằng tranh chấp nhưng tranh chấp trong một tình huynh đệ. Đây là tình trạng thông cảm của hiện sinh với hiện sinh được Jaspers coi là một nguyên tắc của triết học

thời đại ta. Ông viết: “đây tranh đấu là trạng thái trong tình huynh đệ. Nhưng vấn đề tranh đấu và sự thỏa thuận trao đổi khí giới cho nhau. Chỉ trong thông cảm như thế thì do sự bên cạnh con người tự do.

Đặc biệt của sự thông cảm này sau cùng còn dẫn đến một tinh thần bao dung và tôn giáo (tolerance religieuse) rất cần cho thời đại

và những dân tộc đương đại:”

...triết lý đòi buộc phải luôn luôn tìm sự thông cảm và người ta phải mở lòng để vượt qua sự thông cảm mà không trừ trệ, người ta không được tự quyết vì tự quyết là kiêu hãnh, tự mãn và luôn luôn đưa thái vào những hình thức giới mở để đáp ứng người khác”.

.....

Đến đây, ta đã lược bỏ một số triết học những khía cạnh phức tạp của hiện sinh và những chúng trong văn hóa của văn minh hiện đại. Về lý theo những phân tích trên, những hình thái hiện tại của vũ trụ và hiện sinh đều dẫn đến một thực tại, nên vũ trụ và hiện sinh đều phải được nhìn nhận với một hình thức cao hơn

- Hư u ý là Hư U T T I, là đ i t ng cho siêu hình h c.
Đó là chu n đích t i h u cho h u th ng nghi m và h u hi n sinh và là c u cánh cho ni m tin tri t lý. Jaspers gọi h u t t i ý là Siêu vi t th (transcendens) và siêu hình h c là con đ ng đ a t i đó. Nghĩa là danh t siêu vi t th đ c dùng thay cho danh t T o Hóa/Th ng đ /Thiên chúa..., còn danh t siêu hình h c thay cho danh t đ c tin. Do đó , jaspers

đã nêu lên quan ni m ni m tin tri t lý (der philosophische glaube) ch ng l i đ c tin v o đoán. (Đi u này đ c ông trình bày t m và liên h đ n v n đ tri t lý ánh sáng). Bây gi chúng ta hãy b t đ u xét xem:

TRỊ T LÝ LÀ GÌ ?

Ng i ta th ng không đ ng ý v i nhau v v n đ tri t lý là gì hay tri t lý có giá tr gì? Vì có ng i cho r ng: Tri t lý ti t l nh ng bí m t toàn đ i n. Ng i khác l i nh n th y tri t lý là l i suy lu n vô căn c , r i h b qua luôn không đ m x a gì đ n n a. Có ng i l i coi tri t lý là m t c g ng đ y ý nghĩa c a nh ng thiên tài, ng i khác l i khinh th ng tri t lý là m t l i suy lu n ch quan, c ch p, vô ích do m t s đ u óc m m ng nghĩ ra. Có ng i cho r ng: Tri t lý liên quan đ n v n m nh c a con ng i nên tri t lý ph i gi n đ n, ai ai cũng hi u. Ng i khác l i t ng r ng: Tri t lý quá khó, không th h c h i hay s u t m đ c... Nh th , danh t tri t lý bao hàm m t lãnh v c khá r ng nên m i th y nh i u nh n đ nh mâu thu n nh trên.

Còn nói khoa h c v i tri t lý, thì nh ng ai có đ u óc khoa h c đ u th y tri t lý không đ m l i m t k t qu hi n nhiên hay ki n th c chính xác nào c . Khoa h c ngành nào cũng n m đ c nh ng ki n th c ch c ch n và đ c m i ng i chân nh n. Trái l i, tri t lý qua bao nhiêu n l c, k đã hàng ngàn năm v n ch ng thành t u gì. Không m t ai là không th y r ng: Trong lãnh v c tri t lý không bao gi có s đ ng tình nh t trí đ có th thi t l p m t s ki n th c chính xác khách quan. M t ki n th c nào b t c , h đã căn c trên nh ng ch ng minh chính xác, b t kháng thì không còn là tri t lý n a mà là chân lý c a khoa h c. Nh th , tri t lý y đã thu c lãnh v c trí th c riêng bi t c a khoa h c r i.

Nh ng khác v i khoa h c, t t ng tri t lý hình nh không ti n b gì c . Dĩ nhiên chúng ta bi t nh i u h n Hippocrate (m t y sĩ Hy l p) nh ng chúng ta không th t hào đã v t xa h n Platon. Có ch ng chúng ta ch h n tiên sinh v nh ng ki n th c khoa h c, còn nh ng gì thu c ph m vi s u t m tri t lý đúng lý nghĩa, có l chúng ta ch g n theo k p tiên sinh mà thôi.

Khoa học thì được mọi người công nhận. Trái lại, triết lý dù có hình thức nào cũng không thể được mọi người nhất loạt đồng tình. Bản tính của triết lý là như thế nên những gì tìm tòi và chinh phục được của triết lý dù không có tính cách đích xác như khoa học. Đây là một công cuộc tìm kiếm thò o và kết quả của nó chi phối cả sự minh của con người. Hơn nữa những kiến thức khoa học chỉ hiện diện trong những đồ vật thực tế chứ không liên hệ gì đến tình cá nhân. Trái lại những kiến thức triết lý lại liên hệ đến toàn diện sự sống, tức là những gì liên hệ đến con người và vì con người. Ở đây, những chân lý khi bừng sáng lên có thể xuyên thấu những ngấm sâu kín của mọi kiến thức khoa học.

Muốn xây dựng một hệ thống triết lý thì tốt yếu phụ thuộc vào khoa học, những hướng đi của triết lý lại phơi bày một nguồn suối khác. Chỉ có những người đã xuất hiện trước các kiến thức khoa học ngay lúc con người vừa ra đời phần lớn. Còn nói về triết lý thông thường, ta thấy có những đồ vật đi kèm như sau:

1. Trong triết lý, ai ai cũng cảm thấy như mình có đủ khả năng suy tư. Trái lại trong khoa học cần phải nghiên cứu thực tế theo phương pháp. Những trong triết lý ai ai cũng có tham vọng tìm hiểu và được quy định tham gia những cuộc tranh luận mà không cần tiếp xúc vì ai ai cũng cảm thấy mình mang thân phận làm người và vì sự kiêu và kinh nghiệm riêng của mình. Đó là một sự đòi hỏi rất chính đáng, nghĩa là ai cũng có thể triết lý. Vì những đồ vật lại phải tiếp xúc với triết lý (ví như những đồ vật lại mà các triết gia chuyên môn đã theo đuổi) chỉ có nghĩa khi chúng quy hướng về thân phận con người. Mà thân phận làm người chỉ được thể hiện tùy cách thái mọi người và nôm chốc sự sống và nhân cách của mình.

2. Bất cứ thời nào, họ suy tư triết lý là phải bắt nguồn từ bản ngã và ai ai cũng dồn thân vào đây. Một điều hiểu về chính mình khi nhìn con người có thể tìm thấy chính mình nguồn suối của mọi suy tư triết lý là những những thức mà của trẻ em. Người ta đã từng cho trẻ em những lời nói có ý nghĩa riêng em là một kẻ khác. Những không hiểu sao, em lại có là em? “Như thế của trẻ như linh cảm được nguồn suối của mọi chân lý. Đó là ý thức về sự sống như sự nhìn thấy chính mình, nó ngừng ngừng trước cái ngã huyền bí mà không gì đáp lại. Đó là sự chuyển biến nó có thể mà thôi!”

Hay, khi nghe kể về Socrates Sáng tạo: “Thoạt khởi thấy Thế giới đã tạo ra những trẻ em”. Một em bé hỏi: “Về sự chuyển biến đó có gì không?” Ở đây, em như đã nhìn thấy sự ra đời của muôn vàn câu hỏi khác. Và như thế nó cũng như nhìn ra rằng: Trí khôn con

ngồi

tra hỏi

không biết đâu là cùng. Và rồi con ngồi cũng không bao giờ có gì để trả lời đáng vì ai cũng nhận thấy rằng vũ trụ này không biết đâu mà có.

Tóm lại, với những kiến thức triết lý thông thường và các kiến thức trên có thể giúp xây dựng một nền triết lý sống. Nghe thì có vẻ rất đơn giản: Trẻ em chưa học gì về những gì chúng đã từng nghe thấy ở cha mẹ hay những lời nói ra. Nhưng để trẻ học những gì thì trẻ cần phải học và không thể nói được rằng chúng đã học được cái gì. Những khác biệt cho rằng: Trẻ em chưa thể có được những ý nghĩ triết lý sâu xa như thế, chúng qua chơi là sống tình cảm.

Nếu nghĩ thế, người ta đã quên rằng: Trẻ em thường sinh ra với một thiên bẩm tính. Thiên bẩm tính này đã dần dà mất đi khi đứa trẻ khôn lớn. Như thế, cùng với năm tháng, trẻ con đi vào cuộc đời khuôn khổ quy chuẩn, quy định luồn phù phiếm, quy định và thành kiến... chúng như đánh mất hồn thiên bẩm tính tự nhiên để tiếp thu những gì do cuộc đời biến thái đem lại mỗi giây phút. Bởi vậy chúng ta cũng nghĩ, cũng nhìn, cũng tra vấn... những gì mà đi đâu và bay vù mất đi. Chúng ta như đắm chìm vào quên lãng với những gì đã đi khỏi lòng ta trong những giây phút thiêng liêng nào đó. Rồi về sau ta mới ngạc nhiên khi người ta kể lại những điểu mình đã nhìn, đã nghĩ, đã thực hiện... ngày xưa.

3. Không những xuất hiện nền triết lý bất nguỵ nhân nguyên này còn xuất hiện nền triết lý nhân bản nhân tính thế tục. Năm chục năm trước đây, chúng ta nghe họ nói về những chân lý cao siêu. Ví dụ: Vào những thời kỳ xuất hiện những triết lý của những học giả, họ tiếp tục những bí mật siêu hình kỳ quái. Những hình thái, ngôn ngữ của họ trong những lúc này như bị biến ra để cũng không mang một ý nghĩa rõ ràng nào cả, người trẻ thường học để biết cái thi sĩ Hoelderlin

và họa sĩ Van Gogh. Tuy nhiên khi chúng ta tiến trình này, ta có cảm tưởng như thấy trên một bức màn che phủ cuộc sống thường nhật của ta bề bộn xáo toang. Ngoài ra, những con người lành mạnh cũng có kinh nghiệm thấy rằng: Thoạt đầu ta thấy gì, họ có cảm giác như khi người đã hiểu được những gì kỳ diệu sâu xa lắm. Nhưng khi tiến hành họ không còn hiểu gì nữa mà chỉ còn những cảm giác hazy mờ mịt. Nên thế là thâm trầm ý nghĩa câu nói của người: “Chân lý thoát ra khỏi cái miệng trẻ em và người điên dốt”. Tuy vậy không phải là những sáng tác để các đấng có thể kiến thiết thành những triết lý cao xa vì sáng tác thế này chỉ có một số ít trí óc vĩ đại mới làm nổi.

4. Là người, không mất ai bỏ qua triết lý để, vì thế mà triết lý xuất hiện khắp nơi

và t n t i mãi mãi. Nh th đã rõ, không ai là không trị t lý nh ng cũng c n xem xét ng i

trị t lý! V y, ph i nói r ng, chính cu c hành trình
trị t h c đã đem l i cho con ng i ngu n an i vô t n. H n n a, trong nh ng giây phút
thiêng liêng, con ng i còn đ c hoàn toàn

to i nguy n. Nh ng to i nguy n ì đây không ph i nh khi thu l m đ c m t ki n th c
đích xác ho c khi đ c tuyên x ng đ c trí, tài năng.... Trái l i, ì đây to i nguy n là khi
trong tr n th này, con ng i th y th c hi n đ c ý nghĩa khi đã nh n đ c ánh sáng c a
m t s h u soi cho. B t g p đ c ánh sáng c a s h u y trong m t c nh ng đ t bi t
nào đó trong cu c s ng, đó chính là ý h ng c a m i c g ng trị t lý.

Tóm l i, hành trình luôn mãi và tìm tòi đ c an i to i nguy n trong giây
phút thiêng liêng cũng không ph i nh ng đ nh nghĩa c a trị t lý. Vì trị t lý không đ ng
trên hay ngang hàng v i cái gì c . Trị t lý cũng không do cái gì khác phát sinh. Trái l i,
trị t lý ch là trị t lý b ng th c hi n, trị t lý là cái gì mà ch qua th c nghi m m i hi u
đ c. Nh kinh nghi m ng i ta m i nh n th y r ng: Trị t lý v a th hi n t t ng linh
đ ng v a suy t v suy t ng linh đ ng v a là hành đ ng v a là thái đ gi i thích cho
hành đ ng.

Nh th, ch nh kinh nghi m b n thân, m i con ng i m i nh n th c đ c
đâu là b n ch t trị t lý ì đ i b i có nhi u c g ng đ nh nghĩa trị t lý nh ng không nghĩa
nào thành công.

Ngoài nh ng đi u trên còn c n t i nh ng ph ng th c khác đ di n t ý
nghĩa c a trị t lý. Nh ng không m t ph ng th c nào di n t n i ý nghĩa y và cũng
không có m t ph ng th c nào tr i v t c . Ngày x a, theo đ i t ng thì ng i ta đ nh
nghĩa trị t lý là bi t đ c nh ng v n đ v th n minh và nhân lo i hay bi t v s h u theo
tính cách là s h u. Theo m c đích , thì trị t lý đ c coi là h c đ bi t ch t hay trị t lý là
bi t dùng t t ng đ tìm h nh phúc ho c đ thành th n. Sau cùng theo n i dung, ng i
ta đ nh nghĩa trị t lý là l i bi t v t trên m i l i bi t, là ngh thu t v t trên m i ngh
thu t, hay đúng h n, trị t là m t môn h c không b h n h p vào m t đ a h t riêng bi t
nào c . Ngày nay, ng i ta th ng nói v ý nghĩa trị t lý nh sau:

Tri t lý là mu n nhìn th y s h u nguyên th y, là mu n lý h i đ c s h u
y nh s t ph n t nh c a tôi v i tôi m i khi tôi suy t b ng ph n t nh.

Hay, triết lý là một đường cho mọi cá nhân tìm sâu vào bao dung thế hay triết lý là dám đi theo những khác biệt một tinh thần chỉ để duy trì đức và bất cứ một vấn đề nào.

Tóm lại triết lý là đường dẫn, nó hướng con người và trái tim, nơi đây họ mọi những thức để chính họ trong khi dẫn thân vào cuộc đời.

"Như thế đã rõ đường hình thức một vài đường dẫn giữa và hướng dẫn, triết lý xuất hiện và bất cứ ai không còn nít, Tuy nhiên, vì suy nghĩ triết lý đòi hỏi

phải có giọng liên lạc và phải bắt đầu liên tục mãi mãi hy vọng để một thế giới thế giới". Chính như đó, triết lý đã xuất hiện trong những sáng tác của những triết gia và hình thức âm vang trong các tác phẩm của triết gia trung bình. Đường hình thức nào cũng được, ý thức phải có giọng để triết lý không thể mai một đi được, khi con người còn là con người.

Nhưng không phải sau này triết lý mới bắt công kích khách biệt dẫn thế. Từ ngàn xưa người ta đã lên án toàn diện triết lý như một đấng thần thánh và nguy hại: Triết lý làm gì? Có cứu nguy, cứu đói... được không? **Ngoài ra triết lý còn tạo ra bất lực trước nhu cầu cấp bách và thức để của cuộc sống hàng ngày.** Thalès, nhà triết học cổ nhất Hi Lạp phải cô độc tìm kiếm mãi khi ông suy nghĩ chân sa ngã vì nhìn mây gió. Cô gái trẻ hỏi: Không hiểu ông hiểu triết lý này liên tục chuyển gì xa xôi mà vắng vẻ sống dẫn thế?

Nếu bắt công kích như thế, đáng lý ra triết lý phải bị biến hình. Nhưng không thế, vì triết lý không dễ dàng ra một chứng cứ về liên lạc nào để báo động cho lý do tồn tại của mình cả. Trái lại triết lý chỉ tồn tại là vì bao giờ trong con người cũng tìm kiếm những khả năng triết lý rất hiển nhiên. Nhưng khả năng này lại chỉ để bệnh viện cho một lớp trình độ vô liên, không tính toán hiển nhiên, mà chỉ trừu tượng của con người. Và nó cũng bị rỗng: triết lý sống tồn tại mãi mãi bao lâu còn có người trên mặt đất. Chính Mác-xít và Phát-xít chế nghĩa cũng biến hình cho triết lý. Vì những chế nghĩa này cũng phải để suy nghĩ thành hình thế giới triết lý sao cho thích hợp với những chủ đích thức tìm, tuy đó chỉ là những căn bản của triết lý, nếu xét theo những kết quả hiển nhiên. Vì thế chính những chế nghĩa này lại biến hình cho sự tồn tại bất kháng của triết lý. Nghĩa là luôn luôn con người cần triết lý.

Nhưng triết lý không thể đấu tranh, không thể bị biến cho mình mà triết lý chỉ có thể cảm thông. Triết lý không dễ kháng khi bị phê phán, không thể được khi được tán

đồng. Nhưng trên mặt bình diện công đồng thì nên thâm sâu của lòng người, mỗi cá nhân đều có một nghiễm nhiên triết lý.

Đã từ hai ngàn rưỡi năm nay, mặt nền triết lý cao siêu, có hình thức mà chức năng đã xuất hiện ở Tây Phương, ở Trung Hoa cũng như ở Ấn Độ. Đó là một truyền thống vĩ đại được ký thác cho chúng ta như một di sản tinh thần. Tuy khác nhau về những mâu thuẫn, những tranh biện xung khắc, nhưng chúng ta vẫn nhận thấy rằng căn bản vẫn có một cái gì được nhận mà không ai có thể hiểu được, những bất công một suy tư triết lý chính đáng nào cũng đều phải quy vào đây: đó là triết lý nhất quán và *vĩnh cửu* (Philosophia perennis). Vậy, để suy tư triết lý của chúng ta được minh xác và để tất cả được công nhận, chúng ta luôn luôn phải quay về với căn bản truyền thống này. Ta phải xét xem có một nguyên sự phát sinh ra triết lý.

MỖY NGUYÊN SỰ PHÁT TRIỂN SINH RA TRIẾT LÝ?

- Khi đi tìm hay nguyên sự.

Nếu nói về khi đi tìm thì triết lý đã khi phát thành lịch sử có hình thức từ hai ngàn năm trăm năm nay và hình thức, đường lối hình thức từ truyền thống này. Đó là khi đi tìm những nguyên sự khác.

Khi đi tìm theo thời gian và triết lý chung cho họ lại những thành tích tinh thần đã thâm hoạn được. Trái lại, NGUYÊN SỰ (ta cần nói ở đây) là nguyên nhân phát sinh những liên miên thúc đẩy con người triết lý. Như đó, triết lý ngày nay mỗi người được là thì tự nhiên và triết lý ngày xưa mỗi người có lý do lịch sử của nó.

- Mỗi nhận xét của họ về NGUYÊN SỰ triết lý.

Vậy có thể nói có những nguyên sự phát sinh triết lý như :

- o Có ng c nhiên th ng con ng i m i tìm tòi đ hi u bi t.
- o Có hoài nghi không dám ch c so v i nh ng đi u mình bi t, con ng i m i b cu c ki m th o và tìm đ t cho t i nh ng gì chính xác, minh b ch.
- o Sau cùng m t đôi khi có b lung l c và t c m th y mình nh sa s y, con ng i m i bi t t v n.

Đó là nh ng y u t th ng đ c g i là NGU N SU I C H U c a tri t lý. Nh ng chúng ta c n minh gi i thêm.

1) Platon ch tr ng r ng: Ngu n su i phát sinh tri t lý là bi t ng c nhiên, ví d khi nhìn “c nh t ng hùng vĩ c a các tinh tú, c a m t tr i và thiên khung” con ng i còn c mu n thám hi m c hoàn vũ. T đó phát sinh ra tri t lý “nh m t t ng v t quý báu nh t th n mình dành cho con ng i!” Aristote cũng nói: “Chính s ng c nhiên thúc đ y con ng i tri t lý: tho t tiên h b ng tr c nh ng s v t k l h b t g p, d n dà ti n xa h n, h đ t nh ng câu h i v bi n t ng c a m t tr i, v s v n chuy n c a m t tr i và các tinh tú, sau cùng là v sinh thành c a vũ tr ”.

Ng c nhiên là đ ng đ n t i tri th c vì ng c nhiên là bi t mình đ t. Và nh đó, thái đ hi u bi t t đây r t thu n t úy (bi t đ bi t) “ch không ph i đ c u l i”. Vì tri t lý còn là s ph n t nh đ thoát ly m i ràng bu c v i cu c s ng t m th ng hàng ngày. Ph n t nh y xu t hi n là khi nhìn s v t, tr i đ t vũ tr v i thái đ vô t, ta t h i: “T t c nh ng cái đó có ý nghĩa gì không? T i sao chúng có? H i th nh ng ta không c u l i, ch h i vì c n h i, th thôi!”.

2)Nh b ng và ng c nhiên mà bi t đ c m t ít s th t r i, nh ng ch a bi t ch c ch n thì còn ph i hoài nghi. Qu th, ta bi t r t nhi u nh ng n u ki m th o l i ta s th y không có gì xác đ ng c ví d nh ng tri giác đ u b giác quan chi ph i nên chúng có th l a đ i ta, vì th c s chúng không phù h p v i nh ng th c t i ngo i t i, nh ng tri giác ta có v chúng. C đ n nh ng hình th c t t ng c a chúng ta cũng ch là hình th c riêng c a trí năng chúng ta. Chúng l i c u k t v i nhau thành nh ng mâu thu n nan gi i. Luôn luôn quy t lý này ph n l p v i quy t lý khác. Vì v y n u mu n tri t lý, ta ph i bi t hoài nghi toàn đ i n a; hai là ph i tìm ra đ c m t căn b n đích xác tuy t đ i,

bất kháng.

Như vậy Descartes: “Tôi suy tư, vậy tôi có” là một căn bản bất kháng, khi ông khám phá thấy rằng: Mọi cái khác đều đáng phải hoài nghi cả. Ông lý luận: Đợi vậy nếu đi u tôi biết nếu có hoàn toàn sai lầm đi nữa, nhưng sự kiện “tôi có” không tài nào và không bao giờ tôi lầm được, đều có ai cả ý đánh lừa tôi.

□□□□ Tóm lại, hoài nghi có phương pháp như vậy là để ra óc biết phê bình nếu đi u ta biết, thì nên nếu không hoài nghi triết học, thì không bao giờ triết lý thực thể được. Nếu đi u cả là phải biết hoài nghi giúp ta khám phá được căn bản bất kháng lúc nào và như thế nào?

□□□□ 3) Trong khi tìm hiểu về những triết gia và hoài nghi triết học để khám phá ra một căn bản bất kháng, nhưng lúc này, tôi còn bận với những triết gia, chưa suy tư về những thân thể, triết gia cánh, triết gia hạnh phúc và sự giải thoát của tôi. Trong những lúc đó tôi là một quên bất tôi đi, để hiểu biết những gì mới là.

□□□□ Nhưng khi nào tôi mới bắt đầu ý thức về tôi trong hoàn cảnh của tôi, thì mới sẽ thay đổi.

□□□□ Epictète, một triết gia khốn khổ đã nói: “Người nắm giữ triết lý (có được) là khi ta thấy như những kẻ bất lực”. Vậy làm thế nào thoát ly được tình trạng bất lực đó? Nhà hiền triết này trả lời: “Tôi phải bỏ qua những gì tôi bất lực vì là tất nhiên không làm nổi. Ngoài ra, tôi phải thức hi vọng của tôi, cả hình thái của chúng để ánh sáng minh bạch và tự do”. Vậy

Thân phận con người, có phải là những hoàn cảnh gì mà họ bắt đầu?

Hãy chú ý tới sự phận chúng ta, sự thấy ngay rằng nó bị giam hãm trong những hoàn cảnh của nó. Họ hoàn cảnh này là để nó khác. Mọi sự khác biệt là một sự khác không bao giờ trở lại. Tôi, tôi có thể đến thân thay đổi một hoàn cảnh.

không bao giờ đi t tr h t đ c. Tuy ch ng đ c thiên nhiên cũng đã đem l i ph n nào b o đ m nh ng th c ra m i gi m thi u đ c m t ph n nghìn muôn vàn b p bênh. H n n a, đ thu h p và ch m đ t mâu thu n gi a ng i v i ng i, ng i ta t ch c nh ng c ng đ ng đ t ng tr cho nhau.

Tuy nhiên v n ch a h t b p bênh: Vì công bình, t do ch có th có trong m i qu c gia là khi m i công dân bi t c x v i công dân khác, h p v i tinh th n chân th t tuy t đ i. Ch trong tr ng h p y m i ng i nh m t m i có th cùng nhau đ phòng s b t công có th x y đ n cho m i ng i. Nh ng trong th c t ch a bao gi có nh th c ! Tinh th n đoàn k t có s c thu hút r t nhi u ng i chung quanh m t nhân v t duy nh t gi a bao nhiêu đ ng lo i khác trong nh ng gi phút nghiêm tr ng, th t v ng nh t, đã ch có th có đ c trong nh ng đoàn ng i r t h n h p n i m t vài cá nhân l t . Không m t chính ph , không m t giáo h i, không m t t ch c xã h i nào có th là đ m b o tuy t đ i c . M ng đ p y ch có th x y ra t th i bình khi không có gì tr ng i c .

Sau cùng trong tr n gian này, có l còn sót l i đ c m t ít b o đ m đáng tin c y, đáng tín nhi m nh : quê h ng đ t t , cha m t tiên, anh em ch em, b n h u và ng i b n trăm năm. H n n a còn có c m t truy n th ng dài dòng nh ti ng m đ , tín ng ng, nh ng sáng tác c a t t ng gia, c a thi nhân và ngh sĩ. Nh ng t t c n n truy n th ng y đ u không đem l i m t b o đ m nào c . Nên chúng cũng không đáng tin c y. Vì th c ra chúng v n còn là nh ng công trình c a loài ng i ch ch a th y Th ng đ đ u c . Nên truy n th ng nào cũng v n còn làm ta th c m c nghĩa là trong khi h ng v truy n th ng, con ng i còn ph i tìm đ c c chính mình s b o đ m, s H u và ngh l c n i chính mình. Tóm l i, hình nh m t bàn tay vô hình mà có uy tín luôn luôn ch th cho ta r ng: Không đ c tin c y và th a m n v i th c t i tr n gian nào c . Nghĩa là bàn tay y ch cho ta m t cái gì khác ngoài tr n gian này.

- C m nghi m th t b i và b t đ u ý th c

Nh ng hoàn-c nh gi i-h n b t-d ch nh ch t b t ng , t i l i và không th tin c y th gian, t t c đ u nói lên th t b i c a tôi. V y tr c s th t b i tuy t đ i hi n nhiên, b t kháng y, tôi ph i làm gì ?

- Ch nghĩa kh c k (Stoïcisme) khuyên nh con ng i h y tr v s ng theo t do là t do t t ng. Nh ng t do t t ng cũng không đ , tri t lý kh c k đã l m. H đã không nhìn th y b t l c t n căn c a con ng i. H không nh n th y r ng t t ng còn l thu c,

vì t̄ nó t̄ t̄ ng không có n̄i dung, ph̄i căn c̄ vào m̄t cái gì khác nó. Ch̄ nghĩa kh̄ c̄ k̄ cũng đã không th̄ y r̄ng: Con nḡ i t̄ t̄ ng l̄ m khi còn có th̄ ra điên !

□□□□ N̄ u v̄ y ch̄ nghĩa kh̄ c̄ k̄ đ̄ y ta vào th̄ cô đ̄ n : T̄ do t̄ t̄ ng mà vô căn c̄ . □
đây m̄i hi v̄ ng đ̄ u tiêu tan h̄ t, vì con nḡ i không còn th̄ t̄ ý c̄ ḡ ng chī n th̄ ng đ̄ c chính mình, không còn th̄ t̄ mình hoàn toàn hi sinh vì mình b̄ ng m̄t tình yêu tha thī t và sau cùng không th̄ ch̄ đ̄ i và hi v̄ ng gì khác n̄ a.

□□□□ Nh̄ ng □□ c v̄ ng c̄ a ch̄ nghĩa kh̄ c̄ k̄ ph̄i là trī t lý m̄t cách chính đáng, nghĩa là con nḡ i ph̄i t̄ mình c̄ m nghī m đ̄ c nh̄ ng hoàn-c̄ nh gī i-h̄ n b̄ t-d̄ ch, nh̄ đ̄ y h̄ m̄ i đ̄ c thúc bách đ̄ đi tìm s̄ h̄ u trong nh̄ ng th̄ t b̄ i c̄ a h̄ . Vì kinh nghī m r̄ ng mình th̄ t b̄ i là m̄t khuȳ t đ̄ m quȳ t lī t cho m̄i con nḡ i : tuy trong th̄ c t̄ l̄ m khi con nḡ i không nhìn th̄ y th̄ t b̄ i và th̄ t b̄ i có th̄ tiêu đī t h̄ , nh̄ ng con nḡ i v̄ n có đ̄ kh̄ năng nhìn th̄ ng m̄t th̄ t b̄ i, th̄ y nó luôn luôn hī n đī n là m̄t gī i h̄ n th̄ ng xuyên mà đ̄ i mình th̄ ng v̄ p ph̄i. R̄ i, m̄t là, b̄ ng nhī u gī i pháp, b̄ ng nh̄ ng tr̄ n an t̄ ng t̄ ng, h̄ ph̄ n kháng l̄ i th̄ t b̄ i; □ hai là nḡ c l̄ i , h̄ th̄ ng th̄ n đón nh̄ n th̄ t b̄ i và gī im l̄ ng đ̄ i v̄ i nh̄ ng th̄ t b̄ i

nh̄ đ̄ i v̄ i m̄t cái gì huȳ n bí không gī i nghĩa n̄ i. Tóm l̄ i, t̄ ng lai c̄ a con nḡ i tùy thū c thái đ̄ h̄ đ̄ i v̄ i th̄ t b̄ i.

□□□□ Th̄ c v̄ y, khi ch̄ m trán v̄ i nh̄ ng hoàn c̄ nh gī i h̄ n b̄ t d̄ ch, m̄t là con nḡ i b̄ t ḡ p h̄ vô, hai □□□□ là bên trên cū c đ̄ i phù vân còn linh c̄ m m̄t s̄ H̄ u tr̄ ng t̄ n th̄ c s̄ . Nên s̄ th̄ t v̄ ng (tr̄ c nh̄ ng th̄ t b̄ i) có th̄ xū t hī n □ đ̄ i này là chính bī u hī n r̄ng: Bên ngoài cū c đ̄ i còn cái gì khác. Nói khác đi, □□ c v̄ ng con nḡ i là mū n đ̄ c gī i thoát.

□□□□ Các tôn giáo th̄ gī i h̄ a h̄ n c̄ ng hī n m̄t lý thuȳ t b̄ o đ̄ m đích xác và do đó m̄t gī i thoát th̄ c s̄ . Đ̄ ng l̄ i □ y bó bū c m̄i cá nhân ph̄i t̄ hoán c̄ i. Đī u □ y trī t lý không làm đ̄ c. Nh̄ ng đúng ra trī t lý cũng nh̄ m siêu v̄ t tr̄ n gian. N̄ u v̄ y có khác gì bī n pháp gī i thoát (do tôn giáo đ̄ ng h̄) ?

- Ba ngū n sū i nguyên th̄ y và thông c̄ m.

Theo những điều u nói t ở đ u t i đây, ng c nhiên, hoài nghi, ý th c th t b i là ngu n su t phát sinh ra tri t lý. Trong môi tr ng c m th y b lung l c, r i h m i c m th y c n đi tìm m t h ng.

Nh s c thúc đ y c a ng c nhiên, Platon, Aristote m i đi tìm y u tính c a s H u.

Qua muôn vàn b t xác và kh nghi, Descartes m i tìm ra đ c m t chính xác b t kh nghi.

Qua muôn ngàn đau kh c a cu c đ i, các tri t gia kh c k m i đi tìm s bình an cho tâm h n.

Tuy trong l ch s nhân lo i m i l n th hi n đ i nh ng bi u th và ngôn ng khác nhau nh ng m i kinh nghi m trên đ u đích th c c . Ph i nh n th c đ c s c n thi t c a chúng trong l ch s nhân lo i ta m i đi sâu đ c t n ngu n c a chúng và m i th y chúng còn hi n di n trong ta.

Tóm l i, t t c ba c g ng tri t lý nói trên, đ u cùng chung m t m c đích là tìm cho mình m t căn b n v ng chãi, t c là s H u sâu th m và vĩnh c u

Nh ng xét cho cùng thì có l c ba ngu n su i y không m t cái nào là hoàn toàn nguyên th y và b t kh thay th h n đ c. Ví d nh khi ng c nhiên tr c s H u thì tinh th n ta có đ c nâng cao th t. Nh ng đáng t i c là vì đó con ng i l i th ng mu n thoát t c hay mi t mài v i th Siêu hình m o! R i đ n s chân xác b t kháng, nó cũng ch có giá tr cho vi c ta tìm hi u Vũ tr b ng nh ng ph ng pháp khoa h c th c nghi m thôi. Sau cùng đ n thái đ b t khu t c a kh c k cũng ch có m t giá tr t ng đ i. Vì nh ng gi phút g p tai h a hay điều đ ng hoàn toàn, lòng qu c m y cũng t ra không đ kh năng và sinh l c gi i thoát đ c ta.

Tóm l i, ng c nhiên đ đ t t i hi u bi t, hoài nghi đ đ t t i đích xác và tình tr ng c m nghi m th y mình sa đ a đ đ c gi i thoát c ba ngu n su i y v n ch a nêu đ c lí do thúc đ y ta tri t lý th i đ i ngày nay. Vì th i đ i chúng ta là th i đ i dòng l ch s đang

liên tục bắt đầu. Hơn nữa, thời này là thời bị ngưng chạp ngưng thuy, thời đi đi y b p bênh, u u n không thể đoán. Tuy cả ba ngưng cả phát sinh triết lý và nói trên đó có giá trị cả, nhưng vẫn không đủ. Chúng còn lưu trữ vào một đi u ki n khác là sự Thông cảm giữa người và người.

Thực vậy, trong lịch sử ngàn xưa giữa người và người đã có những phút giây liên hệ một thời như những đoàn thể người trong đó mỗi người có thể tin nhiệm lẫn nhau hay như những thế hệ hay như tình thân cận ngưng. Một con người sống lo ngại về sự mất mát của đoàn thể nâng đỡ. Nhưng ngày nay, sự liên hệ đó đã suy giảm hẳn vì càng ngày người ta càng không hiểu nhau, không tin tưởng nhau nữa. Họ gặp nhau, rồi **lòng chia tay**

như thế
đ, làm gì còn th

ảnh tín, còn ngưng ngưng nào ngưng chãi và đáng tin nhiệm nữa ?

Nhưng mặt đối diện, ngày nay cũng như ngàn xưa, sự liên hệ giữa người và người vẫn là một sự cần thiết quy luật: Tôi muốn thành thế giới tìm hiểu người khác nhưng không thể, vì tín người ngưng cả tôi lại ngưng chạp ngưng, đang khi tôi tin chắc rằng mình có chân lý cả tôi là tuy thế đi đúng. Đón nhận, làm khi cùng ngưng, chúng ta bắt buộc phải đi tranh mà không bao giờ có hi vọng hay hòa giải. Lúc này, một là phải đi hàng, hai là bắt đầu đi. Nhưng những người này, thế ngưng, không có lập trường hòa giải nhau mà hòa giải trong mù quáng hay hòa giải trong chấp thách lẫn nhau.

Nhưng đi u đó không phải không đáng kể hay không quan trọng. Có thể chúng không quan trọng nếu sống cô lập. Mỗi khi đau khổ vì không thông cảm được với người khác hay mỗi khi vui sống, thế mãi mãi vì thành thế giới thông cảm được, cả hai trường hợp này đi u không có ý nghĩa gì trên bình diện triết lý nếu tôi chỉ bỏ vào quy luật của tôi và sống cô lập, khi khi tin chân lý cả tôi. Tại sao thế? Vì “tôi chỉ sống khi sống với người khác. Một mình tôi không là gì cả!”

Nếu thông cảm không phải thông cảm bằng lý trí với lý trí hay bằng tình thân với tình thân, hiểu sinh với hiểu sinh thì với sự thông cảm này, những ý nghĩa và giá trị do những sự vật vô linh đem lại chỉ được coi là những trung gian. Ở đây, cả thái độ bị lẫn lẫn cho nhau, cả thái độ lẫn công nhau đi u không phải để chinh phục, chiếm thế nhưng nhau mà để gần gũi nhau.

Tóm lại, đây đều tranh là đều tranh trong tình huynh đệ. Nhưng vì a tranh đều v a tha thu n trao đ i khí gi i cho nhau. Ch trong thông c m nh th m i ch c ch n s ng th t s , vì đây con ng i t do s ng bên c nh con ng i t do, đ i p mà không h m h nhau, vì đã hoà h p v i nhau r i. Nh v y nh ng m i dây liên h v i ng i khác ch còn là nh ng con đ ng đ g n gửi nhau trong nh ng giây phút quy t li t và c hai đều đòi h i bên kia p h i nêu nh ng th c m c c t . Chính trong thông c m, m i chân lý khác m i đ c th h i n và đây tôi m i th c s là tôi, vì tôi không còn s ng h i h t mà s ng tr n ý nghĩa cu c đ i. B i Th ng đ ch th h i n ra m t cách gián ti p và cũng qua tình yêu gi a ng i v i ng i. S đích xác c nhiên có tính cách đ c thù và t ng đ i nên p h i đ c ghép vào toàn cu c.

Tóm lại, thái đ n n t ng trên đây, tôi đã trình bày theo ngôn lý thuy t nh ng nó đã b t r khi con ng i c m th y kh tâm vì không thông c m đ c v i ng i khác, và khi h c m th y c n p h i thông c m, sau cùng khi h nghi m th y r ng có th có đ c m t tranh đều huynh đệ gi a ng i v i ng i đ liên k t h l i v i nhau t n tâm can. Trị t lý này cũng do ba ngu n su i nói trên mà xu t phát. C ba ngu n su i y ch có nghĩa khi th h i n thái đ c a chúng đ i v i vi c thông c m: Ho c là chúng khích l ho c là chúng c n tr thông c m.

Tóm lại, trị t lý b t ngu n t kh năng ng c nhiên, bi t hoài nghi, bi t c m nghi m nh ng hoàn-c nh gi i-h n b t-d ch, nh ng sau cùng bao hàm đ c t c , p h i k đ n c v ng thông c m th c s . Đi u đó đã th y rõ ban đ u, vì trị t lý mu n đ c p h i b i n, di n t ra, đ ai ai cũng nghe và h i u đ c. Vì b n ch t trị t lý là p h i đ c truy n bá ra cho ng i khác. Đ c đ i m y p h i g n li n v i s th t c a nó. Nh thông c m, m c đích c a trị t lý m i đ t đ c v i phát kh i đây, m i ch đích khác m i có th th c h i n đ c ví nh : Tim h i u s h u, soi sáng tình yêu, g p đ c s an tĩnh hoàn b ...

BAO DUNG TH

Tình tr ng phân ly ch th và khách th.

Xin khai tri n m t t t ng khó h i u nh t, nh ng không th b qua đ c vì chính nó m i đ m l i cho p h n t nh trị t h c m t ý nghĩa chân th t. Chúng ta có th h i u t t ng y m t cách đ n gi n, nh ng suy di n nó là m t công vi c r t p h c t p. V y tôi s th phác

họ t t ng y nh sau: V n đ đ u tiên c a Tri t h c là v n đ : S h u nói chung là gì? Tho t tiên ta nh n th y muôn vàn s v t: Nh ng s v t trong th gi i h u hình, nh ng hình nh vô tri, nh ng sinh v t s ng đ ng, c m t th gi i g m nh ng gì hi n ra r i bi n m t.

Còn S h u theo tính cách h u th c s là gì? (Nghĩa là s h u ngu n su i phát sinh, t o đ ng v n s h u khác và m i s đ i u l thu c vào nó. S h u y là gì?)

Tr c v n đ này, các tri t gia đã nêu nhi u gi i đ p khác nhau, câu tr l i c nh t là câu c a nhà hi n tri t Thalès : T t c là n c, t t c đ u do n c. V sau ng i ta l i ch tr ng: T t c là l a hay không khí, hay là cái b t đ nh, v t ch t hay nguyên t . H c ng i ta còn cho r ng sinh l c là b n th đ u tiên, còn v t vô tri là cái đ c t o ra t sinh l c. H c còn nh th này: B n th đ u tiên chính là tinh th n và v n s h u khác là nh ng o nh, nh ng bi u t ng đ c bi t nó đã t o ra trong m t chiêm bao. Đó là m t chu i dài g m toàn nh ng quan ni m t ng quát đ c g i là ch nghĩa Duy v t (T t c là v t ch t và là quá trình c gi i) h c là ch nghĩa Duy linh (T t c là tinh th n) h c là V t h t thuy t (Vũ tr toàn đ i n là v t ch t bên trong có m t linh h n) v.v...

Tóm l i, đ tr l i câu h i: S h u theo tính cách h u là gì? Th c s , m i thuy t trên đ u đã ch n l y m t s đ c thù nào đó hi n có trong tr n gian, r i coi nó là ngu n su i cho v n s h u khác.

V y đâu là câu tr l i xác đ ng ?

Trong cu c tranh lu n dài hàng ngàn năm không m t h c thuy t nào bi n ch ng đ c r ng: Ch tr ng c a mình giá tr h n ch tr ng khác. M i ch tr ng đ u ch a đ ng m t ph n chân lý hay đúng h n h đã ch nêu ra đ c m t quan ni m, m t ph ng pháp s u t m đ y cách nhìn vũ tr m t cách sáng s a h n. Ngoài ra n u h c thuy t nào t coi mình là đ c nh t, r i gi i thích v n s h u b ng quan ni m căn b n mình t o ra thì h đã l m.

V y l m ch nào ? T t c h đã l m đ i m này là h đã bi n s h u thành m t h u đ i đ i n v i ch đ là tôi. Đó là m t hi n t ng căn b n trong đ i s ng tri th c c a ta. Nh ng vì nó th ng x y ra quá thành ra ta không còn th c m c, nghi v n gì v nó

n a. Nghĩa là nh^{ng} gì chúng ta suy **đ** t^{ng} tⁱ hay bàn luⁿ tⁱ toàn là nh^{ng} gì khác bi^t vⁱ ta. Chúng là nh^{ng} gì ta h^{ng} nhìn nh^m t^đ i t^{ng} khách th^đ t^{tr} c m^t chúng ta và coi chúng ta là chth. C^o khi tôi suy t^v t^đ i, tôi cũng t^đ xem nh^đ tôi là khách th^đ, t^đ c là t^đ trên m^t cái gì khác t^đ.

Đ^{ng} thⁱ (đⁱ diⁿ khách th^đ có bên chth), t^đ hiⁿ h^u vⁱ t^đ cách t^đ là t^đ suy t^đ, t^đ th^c hiⁿ t^đ t^{ng} đó b^{ng} chính t^đ, nh^{ng} cái t^đ y, t^đ không th^đ quan ni^m nó gi^{ng} h^t nh^m t^đ i t^{ng}, bⁱ vì cái t^đ đó là m^t đⁱ u kiⁿ tiên quy^t cho ho^t đ^{ng} khách th^đ hóa. Đó là m^t đ^c đⁱ m nⁿ t^{ng} trong đⁱ s^{ng} t^đ t^{ng}, th^{ng} đ^c gⁱ là s^đ phân ly chth và khách th^đ.

Ch^đ l^u tâm và chú ý đôi chút, cũng th^y đ^c r^{ng} luôn luôn ta t^đ t^{ng} theo s^đ phân ly y. Vì dù có đ^o lⁿ ng^c xuôi lⁱ t^đ t^{ng} c^a ta bao nhiêu, t^đ t^{ng} y vⁿ không sao thoát đ^c s^đ phân ly h^{ng} v^đ khách th^đ nói trên. Cho đ^u khách th^đ y là gi^đ n^a: Ho^c là h^u do giác quan ta tri th^c hay m^t b i^u ni^m trí năng nh^đ các con s^đ và đ^đ hình có khi lⁱ là h^u không t^{ng} hay m^t quan ni^m hoàn toàn t^{ng} không bao gi^đ có th^đ có.

Nh^{ng} khách th^đ hiⁿ diⁿ trong ý th^c c^a ta đ^u n^m đⁱ diⁿ tr^c m^t ta, ho^c trong ho^c ngoài, nh^đ Schopenhauer đã nói: Không m^t khách th^đ nào lⁱ không có chth cũng nh^đ không m^t chth nào lⁱ không có khách th^đ.

Mⁱ khi hé nhìn vào s^đ phân ly chth khách th^đ kia, ta th^y bi^u hiⁿ m^t ý nghĩa huyⁿ bí: V^y ý nghĩa y là gì?

Th^a chính là s^đ h^u toàn diⁿ. Nh^{ng} s^đ h^u toàn diⁿ này không phⁱ đⁱ t^{ng} khách th^đ, cũng nh^đ không phⁱ bⁿ ng^đ chth, mà phⁱ là Bao Dung th^đ hiⁿ diⁿ trong s^đ phân ly nói trên.

S^đ h^u toàn diⁿ không th^đ là đⁱ t^{ng} khách th^đ thuⁿ túy. Vì b^đ nh^{ng} gì là đⁱ t^{ng} c^a t^đ, thì cũng phⁱ t^đ Bao dung th^đ mà đⁿ. Đàng khác, chính t^đ là chth cũng phⁱ t^đ bao dung th^đ mⁱ xu^t hiⁿ

là chth đ^c. Vì đⁱ t^{ng} khách th^đ lⁱ chính là m^t s^đ h^u đ^c thi^t đ^đ nh cho m^t

chính thức. Nhưng Bao dung thực sự không xuất hiện rõ rệt hơn ra với ý thức. Nó chỉ bừng sáng lên đúng là do những điều kiện khách thực và nó càng sáng thêm khi những điều kiện khách thực càng hiển nhiên rõ rệt trong ý thức.

Tóm lại, chính Bao dung thực không bao giờ trở thành khách thực mà nó chỉ xuất hiện trong sự phân ly chính thức khách thực. Bên Bao dung thực sự là một hữu thể trong tiềm thức. Hữu thể này chỉ luôn luôn đúng là lóe sáng qua sự biểu lộ của các khách thực. Những mặt khi điều kiện quan niệm và định nghĩa này vậy, mặt điều kiện khách thực khác ví dụ ngay khi quan niệm sự hữu thể quát nào bắt đầu, nó cũng phải điều kiện quan niệm điều kiện vô hình là một điều kiện khác nó.

Như vậy, bắt đầu sự vật gì, bắt đầu nội dung thể hiện nào hay bắt đầu khách thực nào đều trải qua hai lần phân ly: Một lần phân ly với chính thức suy tư, một lần phân ly với các khách thực khác. Vì nó đã là điều kiện cho thể hiện, không bao giờ chúng có thể là một toàn diện hay một sự hữu thể toàn diện, hay cả đến một sự hữu thể sống nữa. Vì một khi bắt đầu thể hiện coi là điều kiện thì bắt đầu sự hữu thể nào cũng đứng ra ngoài Bao dung thực sự. Vì điều kiện đúng là thù và ngược lại nó vừa điều kiện vô hình chính thức, vừa điều kiện vô hình các lần điều kiện khác.

Tóm lại, qua những điều kiện do thể hiện quan niệm và thiết định ra, Bao dung thực chỉ xuất hiện như một ký hiệu, chỉ không bao giờ ta gặp một Bao dung thực. Những thể hiện những gì chúng ta gặp, chúng ta đều gặp chúng trong bao dung thực sự.

- Ý thức về Bao dung thực và tầm quan trọng của nó.

Như nhận thức về Bao dung thực như trên có nghĩa gì? Theo phương pháp thông thường trong việc giao tiếp với sự vật thì nhận thức trên có vẻ phần tự nhiên nên cần dựa trên những tiêu chuẩn thức hiện (thực là tìm khách quan), trí óc ta sẽ chẳng điều kiện nhận thức trên. Nhưng thực sự vào tác động nhận thức của Bao dung thực, thể hiện có thể vượt qua mặt nội dung thể hiện. Vì vậy hãy xem ra không khó, những điều kiện rõ rệt đó! Vì tác động này không giúp ta nhận thức được một điều kiện mặt nào như một cái gì rõ rệt ra. Trái lại, tác động này chỉ khiến cho nhận thức phần tự nhiên là điều kiện điều kiện ý thức của ta điều kiện với ta thôi.

Nó không phải biểu hiện trong một ta một khách thực mặt nào và vì vậy theo ý nghĩa thông

thông qua tri thức tự nhiên, nó là một thứ gì thiêu nhi dụng. Nhưng với hình thức của nó, tác động quy mô ra những khả năng vô hạn trong đó sự Hữu thể biểu lộ ra với chúng ta. Và đáng thú vị nó biểu hiện một khả năng trên thành hữu thể minh bạch. Nó biểu hiện đời chính ý nghĩa của khách thể tính. Vì nó lay chuyển ý thức ta để ta có khả năng nhận thức được cái gì mà những hiện tượng quanh quanh đâu là sự Hữu thể đích thực.

- Nhưng hình thái Bao dung thế.

Chúng ta hãy minh họa thêm về bao dung thế. Bàn luận trực tiếp về Bao dung thế :

□□□□ Bàn luận trực tiếp về Bao dung thế là đi trực tiếp vào sự Hữu thể. Nhưng không thế, vì ta chỉ có thể bàn luận về Bao dung thế một cách gián tiếp. Vì bao giờ thì thông tin ta cũng phải thông tin bằng đời thông tin. Nhưng nếu Bao dung thế là một thông tin không khách quan, làm sao ta phải có sự di chuyển nó một cách khách quan? Ví dụ về sự phân ly chủ thể khách thể ta khai triển trên. Luôn luôn ở trong sự ly khai đó, chúng ta không thể thấy nó từ bên ngoài. Tuy nhiên lúc đó gọi tên nó, ta xem nó như một khách thể, nhưng chỉ gọi một khách thể với thôi. □ Vì sự phân ly chủ thể có trong liên quan giữa những sự vật trong trần thế, xuất hiện ra với tôi như những đời thông tin khách thể. Nhưng liên quan quy trở thành một hình ảnh dùng để di chuyển cái không thể trông thấy, cái gì không phải là đời thông tin.

□□□□ Với ta hãy gọi lên trong ta những gì hiện hữu trong nguôn sự của ta, để suy niệm những hình thái Bao dung thế : Sự phân ly của chủ thể khách thể hiện ra với chúng ta theo những cách thái, tùy theo tôi là trí năng động trực tiếp những thức từ khách quan, hay như một sinh vật phức tạp với hoàn cảnh, hay như một hiện sinh hoàn toàn về Thế giới đời.

- Là trí năng, chúng ta động trực tiếp những sự vật hiện nhiên, chúng ta cũng quy trở tri thức chúng một cách chân xác, bất khả nghi. Vì thế tri thức đó bao giờ cũng như những đời thông tin rõ rệt.

- Còn nếu là những sinh vật phức tạp với hoàn cảnh, chúng ta lại thu được những sự vật ta tri giác. Đời thông tin tri giác quy sự thức hữu, nếu ta sống nó bằng kinh nghiệm bản thân của ta. Và thức từ quy không thể biểu hiện lộ liễu vào một nhận thức thông quát nào cả.

Còn như Hiện sinh, chúng ta lại liên quan với Thiên chúa hay Thế giới đời, Động siêu việt,

và đợc th là nh ti ng nói do các s v t đã tr thành t ng s hay bi u tr ng. Vì v i trí năng hay v i c m giác c a ta, ý nghĩa t ng s trên không có n i dung khách quan nào c .

- Th ng đ ch th c h u khách quan đ i v i chúng ta khi chúng ta là Hi n sinh. Vì hi n h u c a Ngài thu c nh ng vi n t ng khác bi t h n v i nh ng đ i t ng v t ch t thu c trí năng hay c m giác.

Nh v y m t khi tìm cách th u hi u Bao dung th , chúng ta th y nó phân chia ra thành nhi u hình thái khác nhau, vì con ng i có th b Bao dung th chi ph i b ng nhi u cách.

Căn c vào th th c phân ly ch th khách th nh s i dây chuy n, chúng ta có th phân Bao dung th theo m y hình thái sau đây:

i. Là Trí năng t c ý th c ph quát ai ai trong chúng ta cũng đ u gi ng nhau c .

ii. Là ch th sinh t n, m i ng i chúng ta đã thành m t cá tính đ c thù.

iii. Là Hi n sinh, m i ng i m i th c s hi n h u là mình trong s tính riêng t c a mình.

Đ n đây tôi thú nh n không th trình bày ý ni m y v n t t h n n a, ch xin tóm l c nh sau: đợc quan ni m chính là s H u, Bao dung th mang tên là Siêu vi t th (Thiên chúa, th ng đ) hay vũ tr . Còn khi đợc quan ni m theo s h u c a chúng ta thì Bao dung th mang i tên là Ch th sinh t n, Ý th c ph quát và Tinh th n.

- Ý nghĩa c a huy n ni m.

Độc giả lý trí theo Bao dung thì vấn đề trình bày là một độc giả lý căn bản. Như đó, ta mới biết bản đức những lý trí độc giả độc giả khách quan ý như chính sự Hữu.

Và cũng như lý trí theo Bao dung thì, bây giờ ta mới hiểu được ý nghĩa của Huy niệm. Từ ngàn xưa, ở Trung hoa, ở Ấn Độ và ở Tây phương biết bao triết gia đã phát biểu một số quan niệm triết lý nhau khác nhau và trong mỗi thời gian, tuy cách diễn đạt có khác nhau. Họ nói: Con người có khả năng vượt lên sự phân ly chính thức và khách thể để tiến tới trình độ đồng hóa hai bên với nhau. Như thế, khách thể cũng bỏ tiêu diệt và chính thức cũng bỏ mất hút. Lúc này là lúc sự Hữu tuy tồn tại nhưng xuất hiện trong con người. Rồi khi con người thức tỉnh, sự Hữu đó còn ghi lại trong ý thức họ với tích một ý nghĩa gì sâu thẳm và bất tận vượt trên mọi ý nghĩa khác. Nhưng ai đã trải qua kinh nghiệm đó, sẽ đồng nghĩa nhất chính thức khách thể kia chính là sự thức tỉnh. Còn nếu chưa người lý trí tình trạng phân ly thì phải gọi là một giác ngộ mê man.

Chính Plotin một triết gia thần bí danh tiếng nhất của Tây phương đã mô tả kinh nghiệm này như sau: “Đôi khi thoát khỏi các xác ngải ngũ và thức tỉnh lại trong bản ngã, tôi được thấy lóe sáng một vẻ đẹp phi thường. Chính những lúc này tôi mới tin chắc được rằng: Tôi sống một thế giới tối đẹp và cao cả hơn. Rồi tôi còn thấy trào vọt lên trong tôi một sức mạnh mẽ bất biến, vô cùng huy hoàng. Nhưng lúc này tôi cảm thấy như đã được đồng hóa với Thế giới đẹp rồi”.

Như thế, không còn ai nghĩ về các đức rằng: Không thể có kinh nghiệm Huy niệm và cũng không thể nghĩ về các kiến sau đây nữa là (sau khi trải qua những kinh nghiệm Huy niệm như vậy rồi) có dùng ngôn ngữ nào đi nữa, nhà Huy niệm cũng không bao giờ diễn đạt nổi những hiểu đã chiêm nghiệm. Vì những bí nhiệm này không thể mô tả được. Ở đây, nhà Huy niệm như một chính thức trong Bao dung thì. Vì những gì diễn đạt ra được đều bị kẹt trong phân ly chính thức khách thể. Nên dù ý thức con người thông thường còn muốn minh giải đi nữa, cũng không bao giờ bắt gặp được nguần suối vô tận này. Nhưng khi nào! khi muốn diễn đạt, ta chỉ diễn đạt được những gì có tính cách diễn đạt khách quan mà thôi. Ngoài ra những gì không thành khách thể lại không thể diễn đạt. Đó là những gì không thành khách thể lại không thể diễn đạt. Đó là những gì còn sót lại (bất khả diễn đạt). Nhưng chính chúng lại nằm ở nòng sau mỗi triết lý mà ta gọi là Siêu hình. Chính chúng còn đem lại cho những triết lý Siêu hình trên uy lực và ý nghĩa của chúng nữa.

- Siêu hình, một thú bản viết bản ngữ Tiếng sự.

giống thích nó như một vấn đề thông thường, nhưng ta sẽ không bao giờ hiểu được ý nghĩa của nó, nếu ta chỉ dựa thích những lập luận lý thuyết suông mà không dám dấn thân thí nghiệm. Với ta, Siêu hình học chỉ có đầy đủ ý nghĩa là khi nó giúp ta nhận thức được sự Hiểu qua Thông thường; nhưng đi sâu vào đó chỉ có thể là khi nào ta cảm nghiệm sự Hiểu đó bằng Hiểu sinh của ta, chỉ không phải bằng trí năng vì trí năng không nhận thức được đi sâu vào đó.

□□□□□□□□□□ Nếu vậy, liệu càng không được phép coi Thông thường (thông thường) của sự Hiểu như một đối tượng khách quan sẽ sử dụng một, để nói chung thì hay tiêu biểu đi được. Vì nếu lý khách thể làm sự Hiểu là sa vào chỉ nghĩa Võ đoán. Tóm lại, mê lầm trong khách thể là đoán. Trái lại niềm tin thực thể phải bám rễ trong Bao dung thể.

- Tính cách gây khúc trong thông thường Trị t học.

Sau cùng, để thông thường triết lý theo Bao dung thể còn dấn đến một học cụ cùng sau đây là như nó chúng, ta ý thức được rằng: Suy tư triết học là con đường gây khúc không sa vào thông thường của.

□□□□□□□□□□ Mọi khi ta thông thường bao dung thể để có thể giống thích nó bằng thông thường triết học thì mọi lần ta như bó buộc phải nghĩ ra một khách thể tính cho Bao dung thể. Nhưng Bao dung thể không bao giờ khách quan hóa được. Vì vậy phải thông thường, phải loại bỏ mọi nội dung khách quan trong các công thức chúng ta sử dụng. Chỉ với đi sâu vào kiến thức chúng ta mọi có được kinh nghiệm về Bao dung thể, vì Bao dung thể không bao giờ là kết quả do cuộc khảo cứu khách quan. Trái lại, nó chỉ là một thái độ ý thức. Vì ở đâu kiến thức khách quan không biểu hiện, chỉ duy có ý thức tôi thì có và tôi là biểu hiện.

□□□□□□□□□□ Nhưng chính đó là nét căn bản cho mọi suy tư triết lý thực sự. Chỉ như những thông thường có đầy đủ thông thường chân xác, con người mọi hy vọng về mình thì Bao dung thể được. Như đã tiến bộ, ý thức ta mọi nhận ra được căn bản vững chắc, chỉ bằng ngã ta bám rễ trong sự Hiểu thì. Do đó sẽ phát triển ra được những ý nghĩa cho cuộc đời và hành động của ta. Nó giống thoát ta khỏi những sự dây ràng buộc với khách quan, nhưng không phải để bỏ thông thường khách quan, mà là để thúc đẩy nó tiến thì cùng.

□□□□□□□□□□ Tóm lại, một suy tư triết lý có thông thường quát trừu thông thường thì đâu sau cùng cũng phải được thực hiện trong thực thể của ta.

Không nhng ph i th hi n trong s phân ly ch th khách th , s H u t t i còn ph i hi n di n trong tâm h n ta n a, n u nó mu n th c h u đ i v i ta. Vì v y ta c n ph i sáng su t! Nghĩa là nhng gì còn u u n ph i đ c lý h i theo m t hình th c khách quan và căn c vào y u tính c a b n ngã đang hoàn thành. S h u t t i, căn b n ph bi n, tuy t đ i th , ph i hi n ra khách quan tr c m t ta, đ u đ i m t hình th c b t toàn theo t cách là khách th . Nhng hình th c khách quan b t toàn y ph i t tiêu di t đi, và trong khi tiêu di t ph i đ trong ta ánh sáng huy hoàng c a Bao dung thê.

- Tình tr ng H vô và ph c sinh.

Tóm l i, nh ý th c v tình tr ng phân ly ch th khách th nh đ i u ki n căn b n cho t t ng và do đó nh ý th c v Bao dung th qua s phân ly nói trên, chúng ta m i th c s t do tri t lý.

Vi đ ng l i suy t trên m i g ta thoát kh i m i hình nh đ c thù. Nó bó bu c chúng ta không còn đ c đi vào nhng con đ ng b t c mà tri th c khách quan c đ nh mu n gi m gi a chúng ta. Nói tóm l i, đ ng l i suy t y hoán c i toàn di n con ng i ta.

Th y th , có ng i s cho r ng: n u đánh m t giá tr tuy t đ i c a v n v t và khách quan tính c a tri th c là m t t t c . Nh th là sa l y vào tình tr ng H vô. Nhng, t đây tr đi, nhng gì đ c thi t đ nh và ch ng minh rõ r t b ng ngôn ng và bi u th khách quan đ u không th t hào có giá tr chân th c tuy t đ i n a.

Nhng đ ng l i suy t tri t lý c a ta ph i đi qua con đ ng H vô y, và chính nó l i gi i thoát ta v n lên đ c s H u th c s . Vì nh c g ng tri t lý ta m i ph c sinh đ c ta b n ch t c a ta. Nh đ y s phát tri n lên trong ta ý nghĩa và giá tr t ng đ i c a m i s h u h n. R i ta m i bi t ch c ch n r ng : nhng đ ng l i c a ta bó bu c ph i đi qua đó; nhng chính ó đó, đ ng th i cũng m ra cho ta m t ánh sáng sâu xa giúp chúng ta t do x s v i chúng.

(còn tiếp)